



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII



Địa chỉ: 477-479 An Dương Vương,
Phường 11, Quận 6, TP.HCM



**Văn phòng
giao dịch:** Tầng 21 - Số 152 Điện Biên Phủ,
Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM



Website: www.ciibr.com.vn



E-mail: ciibr@ciibr.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. VỀ CHÚNG TÔI

Tổng quan công ty	06
Tầm nhìn & sứ mệnh	07
Định hướng phát triển & ngành nghề kinh doanh	08
Các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty	10
Quá trình hình thành & phát triển	12
Quá trình phát triển dự án qua các năm	15
Cấu trúc doanh nghiệp	15
Sơ đồ tổ chức công ty	18
Thành viên Hội đồng quản trị	20
Thành viên Ban kiểm soát	23
Thành viên Ban điều hành	25
Giám đốc bộ phận	26

CHƯƠNG 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

Điểm nhấn năm 2024	28
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	30
Kết quả kinh doanh hợp nhất	32
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	33

CHƯƠNG 3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	35
Tình hình hoạt động tổ chức và nhân sự	37

CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	42
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	44

CHƯƠNG 5. TÌNH HÌNH VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Hội đồng quản trị	48
Ban kiểm soát	52
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	53
Giao dịch cổ phiếu nội bộ	54
Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ	55

CHƯƠNG 6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHƯƠNG 01: VỀ CHÚNG TÔI

- ❖ TỔNG QUAN CÔNG TY
- ❖ TẦM NHÌN & SỨ MỆNH
- ❖ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN & NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
- ❖ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN
- ❖ CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP & CỔ ĐÔNG
- ❖ CƠ CẤU TỔ CHỨC





TỔNG QUAN CÔNG TY

TÊN CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

TÊN VIẾT TẮT CII B&R

MÃ CHỨNG KHOÁN LGC

VỐN ĐIỀU LỆ 1.928.547.650.000 VND

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT Ông Nguyễn Văn Chính

ĐĂNG KÝ KINH DOANH Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi thứ 22, ngày 22 tháng 04 năm 2022

ĐỊA CHỈ 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỐ ĐIỆN THOẠI 028.38688239-38688379

WEBSITE www.ciibr.com.vn

TẦM NHÌN & SỨ MỆNH

TẦM NHÌN


Trở thành công ty hàng đầu về phát triển cơ sở hạ tầng giao thông bền vững tại Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của xã hội

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tham gia vào quá trình xã hội hóa trong lĩnh vực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông. Phát triển các kênh huy động vốn đầu tư mới, bao gồm vốn trung và dài hạn từ các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, nguồn vốn nhân rộng trong dân và từ các thành phần kinh tế khác để đầu tư phát triển hạ tầng giao thông.

SỨ MỆNH

Phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung vào các dự án hạ tầng giao thông quy mô lớn, mang tính chiến lược, tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển dài hạn, góp phần xây dựng xã hội bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Hợp tác chân thành và có trách nhiệm với các đối tác, cùng đạt được lợi nhuận hợp lý và đảm bảo lợi ích thỏa đáng cho các cổ đông. Tạo điều kiện và cơ hội cho mọi thành viên trong công ty phát huy tài năng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần xứng đáng với sự đóng góp của mỗi người.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với sứ mệnh tạo ra các giải pháp hạ tầng giao thông chất lượng cao, CII B&R không chỉ tập trung vào việc tiếp nhận và khai thác các dự án hiện có mà còn đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược để tham gia vào phát triển dự án mới.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của công ty tập trung ở khu vực phía Nam, Đông Nam Bộ và TP.HCM.

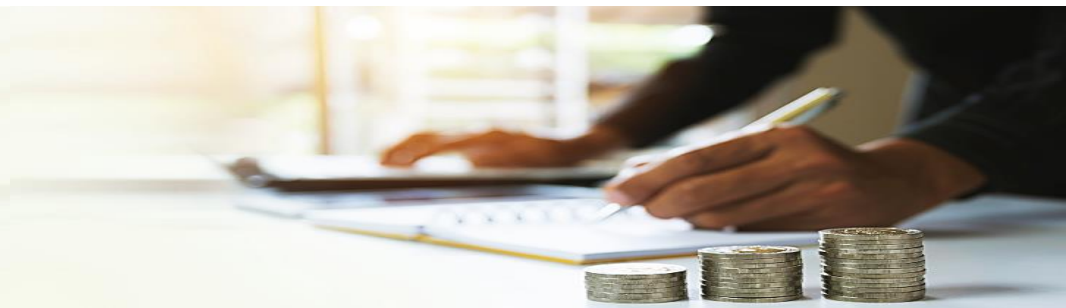


NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Đầu tư, phát triển và vận hành hệ thống hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công tư (PPP).



CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY



Rủi ro kinh tế:

Những thay đổi chính sách hoặc ảnh hưởng của nền kinh tế (Lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...) sẽ gây ra rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc lãi suất thay đổi có thể làm gia tăng chi phí vay vốn, kéo theo sự gia tăng chi phí vận hành, từ đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành Hạ tầng giao thông:

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là đầu tư vào các dự án về cầu, đường giao thông theo phương thức đối tác công tư (PPP) thường đòi hỏi quy mô vốn đầu tư lớn, trong bối cảnh thị trường tài chính gặp nhiều khó khăn thì Công ty cũng phải chịu một số ảnh hưởng nhất định khi sử dụng các công cụ tài chính.

Rủi ro môi trường:

Do đặc điểm của lĩnh vực xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng chủ yếu là sản xuất ngoài trời, thời gian thi công thực hiện dự án kéo dài, tác động từ các yếu tố về thời tiết, khí hậu, điều kiện kết cấu địa chất, địa hình có ảnh hưởng rất lớn đến thời gian thực hiện, chất lượng và chi phí của dự án.

Rủi ro về pháp luật:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, của Bộ Tài Chính, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan ban ngành có liên quan. Điều này có thể dẫn đến rủi ro về pháp lý cho Công ty khi hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa thật sự nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn có những sửa đổi bổ sung. Ngoài ra hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro từ chính sách khi mức thu phí giao thông, lộ trình tăng phí không phải do công ty chủ động mà phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên, điều này được khắc phục bởi các điều khoản của Hợp đồng BOT cho phép điều chỉnh thời gian thu phí hoàn vốn nếu doanh thu hàng năm ảnh hưởng đến khả năng hoàn vốn đầu tư của dự án.

Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII có thể chịu rủi ro khác như động đất, thiên tai, dịch bệnh, đình công, chiến tranh... đây là những rủi ro bất khả kháng ít xảy ra trong thực tế, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Năm 1978

Tiền thân là Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978.

Năm 1999

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa, Công ty được chuyển thành CTCP Cơ khí - Điện Lữ Gia.

Năm 2006

Chính thức niêm yết 1.000.000 cổ phiếu trên sàn HOSE (Mã cổ phiếu: LGC)

Năm 2013

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (CII) trở thành công ty mẹ của CTCP Cơ khí Điện Lữ Gia

Năm 2014

Đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)

Năm 2016

Metro Pacific Tollways Corp. (MPTC) trở thành cổ đông lớn của CII B&R

Năm 2024

CII B&R sở hữu danh mục với 06 dự án BOT với tổng tài sản 23.464 Tỷ đồng

NĂM 2014 – HÀNH TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

Từ tháng 08/2014 Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia (LUGIACO) được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R), từ đây công ty chính thức chuyển sang lĩnh vực hoạt động chính là chuyên đầu tư vào các dự án cầu đường, hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công tư (PPP) thông qua việc nhận chuyển nhượng các dự án đầu tư về hạ tầng giao thông từ công ty mẹ - Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII) như: Dự án cầu Sài Gòn 2, dự án Xa lộ Hà Nội, dự án tuyến tránh Ninh Thuận, dự án mở rộng QL1 các đoạn qua tỉnh Ninh Thuận, dự án cầu Rạch Miễu, dự án mở rộng Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên, dự án DT 741 (tỉnh Bình Dương), dự án cầu Cổ Chiên, dự án Cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận.



Hình ảnh: Dự án Xa lộ Hà Nội

Với bước chuyển mình mạnh mẽ này, cổ phiếu công ty đã đặc biệt thu hút được sự quan tâm từ các Nhà đầu tư nước ngoài trong đó có Metro Pacific Tollways Corporation (MPTC) - Nhà đầu tư về hạ tầng giao thông lớn tại Philippines, tạo tiền đề để MPTC chính thức trở thành cổ đông lớn của CII B&R từ năm 2016 cho đến nay.



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN DỰ ÁN QUA CÁC NĂM

2015

Dự án BOT
ĐT 741



Dự án BOT ĐT 741 chính thức đi vào vận hành và thu phí, tháng 08/2006. CII B&R đầu tư vào dự án BOT ĐT 741, tháng 02/2015.

2016

Dự án BOT
cầu Rạch Miễu,
QL60



Dự án BOT cầu Rạch Miễu, QL60 chính thức đi vào vận hành và thu phí, tháng 04/2009. CII B&R đầu tư vào dự án BOT cầu Rạch Miễu, QL60, tháng 07/2016.

2017

Dự án BOT
Ninh Thuận



Dự án BOT Ninh Thuận chính thức đi vào vận hành và thu phí, tháng 04/2017.

2018

Dự án BOT
Cổ Chiên



Dự án BOT Cổ Chiên chính thức đi vào vận hành và thu phí, tháng 09/2016. CII B&R đầu tư vào dự án BOT cầu Cổ Chiên, tháng 04/2018.

2021

Dự án BOT
Xa lộ Hà Nội



Dự án BOT Xa lộ Hà Nội chính thức đi vào vận hành và thu phí, tháng 04/2021.

2022

Dự án BOT
Trung Lương-
Mỹ Thuận



Dự án BOT Trung Lương – Mỹ Thuận chính thức đi vào vận hành và thu phí, tháng 08/2022. Hoàn tất tăng tỷ lệ sở hữu lên 89% tại Dự án BOT Trung Lương – Mỹ Thuận.

CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

STT	Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ (đơn vị: VND)	CII B&R thực góp vốn điều lệ (đơn vị: VND)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	1.850.000.000.000	943.500.000.000
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	220.000.000.000	219.980.000.000
3	Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	100%	599.060.000.000	599.060.000.000
4	Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	287.000.000.000	286.980.000.000
5	Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50,36%	525.620.000.000	259.323.760.300
6	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	190.000.000.000	96.900.000.000
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	30.000.000.000	20.000.000.000
8	Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận	89%	1.662.255.000.000	1.479.406.990.000

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1.	Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5 % vốn CP trở lên)	192.422.508	96,77%
1.1	- Trong nước	99.955.842	51,83%
1.2	- Nước ngoài	86.666.666	44,94%
2.	Cổ đông khác	6.232.257	3,23%
2.1	- Trong nước	6.154.505	3,19%
2.2	- Nước ngoài	77.752	0,03%
3.	Tổng	192.854.765	100%

CTCP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP. HCM (“CII”)

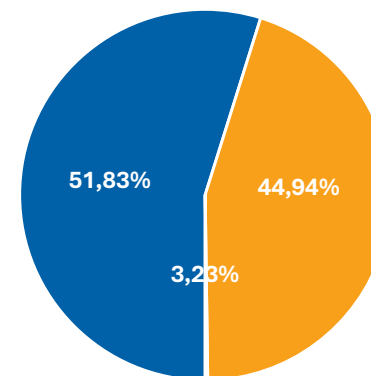


CÔNG TY MẸ
(Sở hữu 51,83%)

METRO PACIFIC TOLLWAY CORP (“MPTC”)



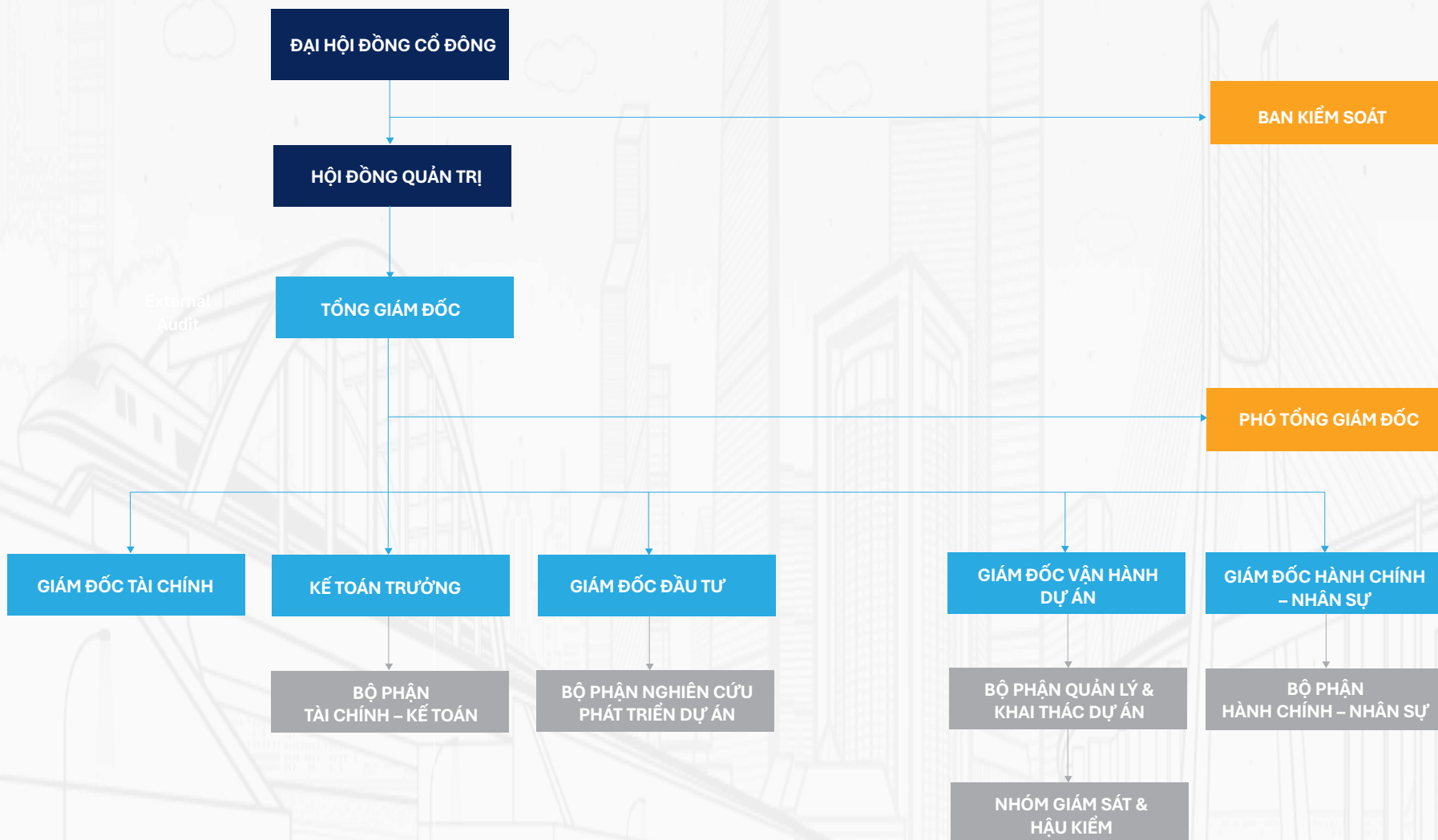
CỔ ĐÔNG LỚN
(Sở hữu 44,94%)



■ CII ■ MPTC ■ Khác



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CII B&R



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1	Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Rodrigo E.Franco	Phó chủ tịch HĐQT
3	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên HĐQT
5	Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên HĐQT
6	Ông Lê Văn Nam	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Christopher Daniel C.Lizo	Thành viên HĐQT độc lập



CHỦ TỊCH HĐQT ÔNG NGUYỄN VĂN THÀNH

Sinh năm 1965. Cử nhân kinh tế; Ông Nguyễn Văn Thành có hơn 20 năm kinh nghiệm quản lý dự án và điều hành doanh nghiệp. Ông từng giữ chức Tổng Giám đốc CTCP Cơ khí - Điện Lữ Gia (sau đổi tên thành CII B&R) và Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT CTCP Hạ tầng Nước Sài Gòn. Hiện tại, ông đảm nhiệm vai trò Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (CII). Ông được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT của CII B&R từ năm 2023.



PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT ÔNG RODRIGO E.FRANCO

Sinh năm 1959. Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Trước khi gia nhập Tập đoàn MPIC, ông là Phó Chủ tịch phụ trách Ngân hàng Đầu tư tại JPMorgan Chase Bank ở Philippines, nơi ông đã hỗ trợ nhiều công ty Philippines trong việc huy động vốn từ thị trường vốn và vay quốc tế. Ông từng là Tổng Giám đốc Metro Pacific Tollways Corporation (Philippines) cho đến tháng 5 năm 2023. Hiện nay, Ông đang là cố vấn cấp cao cho Metro Pacific Tollways Corporation. Ông được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch HĐQT của CII B&R từ năm 2018.



THÀNH VIÊN HĐQT ÔNG LÊ QUỐC BÌNH

Sinh năm 1972. Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Ông Lê Quốc Bình có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và tài chính doanh nghiệp. Ông từng là Cán bộ Phòng Kế toán tại Tổng Công ty Du lịch TP. Hồ Chí Minh và Chuyên viên Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP. Hồ Chí Minh. Ông gia nhập CII từ năm 2001 và giữ chức Tổng Giám đốc từ năm 2012. Ông được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT của Công ty từ năm 2013.



THÀNH VIÊN HĐQT ÔNG NGUYỄN VĂN CHÍNH

Sinh năm 1979. Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp; Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tài chính. Ông từng giữ các chức vụ quan trọng như Kế toán trưởng Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc của CII B&R; Ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của CII B&R từ tháng 12/2020 và thành viên HĐQT từ tháng 04 năm 2021.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÀNH VIÊN HĐQT ÔNG LÊ VĂN NAM

Sinh năm 1976. Cử nhân Luật kinh tế; Ông Lê Văn Nam có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, nhân sự và pháp lý. Ông đã giữ các vị trí quan trọng như Trưởng Văn phòng Đại diện TP. Hồ Chí Minh của Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Kỹ thuật TNT và Phó Tổng Giám đốc CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn; Ông được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT từ tháng 04 năm 2023.



THÀNH VIÊN HĐQT ÔNG FRANCIS GERARD ELIZAGA ABERILLA

Sinh năm 1964. Kỹ sư quản trị công nghiệp; Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm đảm nhiệm các chức vụ điều hành tại các công ty lớn. Ông đã giữ các chức vụ quan trọng như Phó Tổng Giám Đốc tại NLEX Corporation và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Metro Pacific Tollways Vietnam; Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của CII B&R từ tháng 04 năm 2018 và thành viên HĐQT từ năm 2018.



THÀNH VIÊN HĐQT ÔNG CHRISTOPHER DANIEL C. LIZO

Sinh năm 1972. Cử nhân Kế toán; Ông Christopher Daniel Cabrera Lizo đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản lý doanh nghiệp. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo tại các doanh nghiệp hạ tầng và tài chính, bao gồm MP CALA Holdings, Cavitex Infrastructure Corporation, Metro Pacific Tollways Corporation, NLEX Corporation, Tollways Management Corporation và Metro Pacific Investments Corporation. Ông được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT của Công ty năm 2018.

BAN KIỂM SOÁT



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

Sinh năm 1980. Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và kế toán doanh nghiệp. Bà hiện là Phó Tổng giám đốc CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn. Bà được bổ nhiệm làm Trưởng BKS của Công ty từ tháng 4/2023.



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT BÀ LƯƠNG KIM DIÊN AN

Sinh năm 1986. Cử nhân Kế toán-kiểm toán; Bà Lương Kim Diên An đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và kế toán doanh nghiệp. Bà hiện là Giám sát Tài chính của CTCP Đầu tư cầu đường CII và Công ty TNHH Metro Pacific Tollways Việt Nam. Bà được bổ nhiệm làm Thành viên BKS của Công ty từ năm 2020.



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT BÀ DƯƠNG THỊ LONG NGHI

Sinh năm 1975. Cao đẳng kế toán; Bà Dương Thị Long Nghi có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và kế toán doanh nghiệp. Bà hiện là Kế toán trưởng của Cty TNHH MTV Cầu Sài Gòn. Bà được bổ nhiệm làm Thành viên BKS của Công ty từ năm 2013.

BAN ĐIỀU HÀNH



TỔNG GIÁM ĐỐC ÔNG NGUYỄN VĂN CHÍNH

Sinh năm 1979. Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp; Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tài chính. Ông từng giữ các chức vụ quan trọng như Kế toán trưởng Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc của CII B&R; Ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của CII B&R từ năm 12/2020 và thành viên HĐQT từ tháng 04 năm 2021.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ÔNG FRANCIS GERARD ELIZAGA ABERILLA

Sinh năm 1964. Kỹ sư quản trị công nghiệp; Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm đảm nhiệm các chức vụ điều hành tại các công ty lớn. Ông đã giữ các chức vụ quan trọng như Phó Tổng Giám Đốc tại NLEX Corporation và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Metro Pacific Tollways Vietnam; Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của CII B&R từ tháng 04 năm 2018 và thành viên HĐQT từ năm 2018.



KẾ TOÁN TRƯỞNG BÀ LƯƠNG THỊ THU YẾN

Sinh năm 1981. Thạc sĩ quản trị kinh doanh; Bà đã có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán. Bà hiện kiêm nhiệm Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng – VRG; Bà được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng của CII B&R từ tháng 12 năm 2020.



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH ÔNG LÊ TRUNG HIẾU

Sinh năm 1987. Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Ông đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Ông hiện giữ chức vụ Giám Đốc Quản lý vốn tại CII và Giám đốc CTCP Cầu đường Hiền An Bình; Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc tài chính của CII B&R từ tháng 03 năm 2020.

GIÁM ĐỐC BỘ PHẬN



GIÁM ĐỐC ĐẦU TƯ ÔNG NGUYỄN DUY MINH

Sinh năm 1990. Kỹ sư xây dựng cầu đường; Ông đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điều hành thi công, quản lý, xây dựng, vận hành công trình giao thông. Ông hiện kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc CTCP BOT Trung Lương-Mỹ Thuận và Giám đốc Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn; Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Đầu tư của CII B&R từ Tháng 03/2024.



GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH DỰ ÁN ÔNG HUỖNH MINH THÁI

Sinh năm 1989. Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Ông đã có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, xây dựng, vận hành công trình giao thông. Ông hiện kiêm nhiệm Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ quản lý khai thác cầu đường CII và Giám đốc Xí nghiệp Quản lý vận hành đường cao tốc CII O&M; Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc vận hành dự án của CII B&R từ Tháng 03/2024.



GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH – NHÂN SỰ ÔNG ĐẶNG QUANG PHỤC

Sinh năm 1979. Cử nhân Luật; Ông đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý hành chính, nhân sự tại Công ty; Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Hành chính – Nhân sự CII B&R từ Tháng 03/2024.

CHƯƠNG 02: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- ❖ NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2024
- ❖ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- ❖ KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT CỦA CII B&R NĂM 2024
- ❖ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2024

SỐ CÔNG TY CON

8 Công ty

TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT

23.464 Tỷ đồng

KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

192.854.765 Cổ phiếu

VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (31/12/2024)

13.191 Tỷ đồng

DOANH THU HỢP NHẤT

2.606 Tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

792 Tỷ đồng



1. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- Công tác bảo dưỡng thường xuyên, trung tu, đại tu và sửa chữa đột xuất tại các dự án trong năm 2024 được thực hiện đảm bảo theo kế hoạch được Cơ quan nhà nước chấp thuận và theo hợp đồng BOT của dự án. Công tác tư vấn quản lý dự án đang thực hiện đảm bảo theo tiến độ dự án tại 02 dự án (ĐT741, Ninh Thuận 2).
- Hoàn thành công tác sửa chữa đột xuất cầu Rạch Miếu (thực hiện chuyển tiếp từ năm 2024) trong năm 2025. Công tác giám sát, hậu kiểm và đối soát đã thực hiện hoàn thành tại 03 dự án (Ninh Thuận; ĐT741; Xa Lộ Hà Nội).

Danh mục dự án BOT	Vị trí	Mô tả dự án	Tiến độ dự án	Doanh số năm 2024
Dự án BOT đầu tư mở rộng Quốc lộ 1 (BOT Ninh Thuận 2)	Tỉnh Ninh Thuận	Là dự án nâng cấp mở rộng tuyến QL1 đoạn qua Ninh Thuận đã xuống cấp, dự án là động lực phát triển kinh tế, xã hội và chính trị quan trọng cho các tỉnh khu vực miền trung, giảm thiểu tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, đồng thời, giúp khai thác đồng bộ, hiệu quả cao trên toàn tuyến quốc lộ 1 từ Thanh Hóa đến Cần Thơ.	Hiện dự án đang được thực hiện công tác thu phí hoàn vốn	228 tỷ đồng
Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1	Đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến Tân Vạn (TP.HCM)	Xa Lộ Hà Nội đóng vai trò là cửa ngõ giao thông quan trọng của khu Đông. Đồng thời đây là một tuyến đường huyết mạch của giao thông phía Nam và đang phát huy được hiệu quả trong việc liên kết vùng kinh tế. Việc kết nối giữa Khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm cảng hàng hóa thuận tiện giúp rút ngắn thời gian lưu thông, giảm chi phí cho doanh nghiệp.	Công trình đã cơ bản hoàn thành. Hiện đang thi công một số hạng mục còn lại. Hiện dự án đang được thực hiện công tác thu phí hoàn vốn từ ngày 01/04/2021	711 tỷ đồng
Dự án ĐT 741	Tỉnh Bình Dương	Đây là dự án nâng cấp mở rộng ĐT 741 trải dài từ Ngã 4 Sở Sao đến giáp ranh tỉnh Bình Phước, đáp ứng nhu cầu lưu thông và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương.	Hiện dự án đang được thực hiện công tác thu phí hoàn vốn	149 tỷ đồng

Danh mục dự án BOT	Vị trí	Mô tả dự án	Tiến độ dự án	Doanh số năm 2024
Dự án cầu Rạch Miếu	Cầu dây văng nối liền hai tỉnh Tiền Giang và Bến Tre	Là cây cầu quan trọng nằm trên tuyến đường huyết mạch thông thương từ các tỉnh miền Tây Nam Bộ về Thành phố Hồ Chí Minh	Hiện dự án đang được thực hiện công tác thu phí hoàn vốn	258 tỷ đồng
Dự án cầu Cổ Chiên	Là cây cầu bắc qua vùng đầm lầy Bến Tre - Trà Vinh	Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên hoàn thành nối thông tuyến Quốc lộ 60 từ Tiền Giang đến Trà Vinh, rút ngắn cự ly từ thành phố Hồ Chí Minh đến Trà Vinh khoảng 70 km. Đây là một dự án quan trọng trong sự nghiệp Công nghiệp hóa-hiện đại hóa của đất nước, nằm trong chiến lược, phát triển tuyến hành lang ven biển, tạo điều kiện thu hút nhà đầu tư, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế, xã hội đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời tăng cường an ninh quốc phòng cho khu vực.	Hiện dự án đang được thực hiện công tác thu phí hoàn vốn	135 tỷ đồng
Dự án BOT cao tốc Trung Lương	Tỉnh Tiền Giang	Dự án đường cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận là dự án giao thông huyết mạch quan trọng kết nối vùng Tây Nam Bộ với Thành phố Hồ Chí Minh với khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và là nút thắt quan trọng cho nền kinh tế của Đồng bằng sông Cửu Long, và giúp giảm tải giao thông cho Quốc lộ 1.	Hiện dự án đang được thực hiện công tác thu phí hoàn vốn	1.079 tỷ đồng

1. Kết quả kinh doanh hợp nhất của CII B&R năm 2024

(Đvt: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm
1	Tổng doanh thu	2.195.721	3.060.831	39,4%
2	Tổng chi phí	1.230.535	2.236.102	81,7%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	965.187	824.729	-14,6%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	927.229	791.644	-14,6%
4.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	691.595	531.810	-23,1%
4.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	235.634	259.834	10,3%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,56	1,10
Hệ số thanh toán nhanh	0,56	1,10
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,77	0,76
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,42	3,13
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	85,65	85,68
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,07	0,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,58	0,32
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,18	0,14
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,04	0,03
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,61	0,33



CHƯƠNG 03: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

❖ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình hoạt động của công ty:

Kết quả kinh doanh năm 2024 có tổng doanh thu đạt 103% (vượt 3%) so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2024, nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 85% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông đề ra do hợp nhất BCTC Công ty CP BOT Trung Lương – Mỹ Thuận từ quý 4/2023, làm tăng chi phí tài chính, bán hàng và quản lý trong năm 2024.

Công ty đã hoàn thành công tác tái cấu trúc khoản vay tại các dự án: Xa Lộ Hà Nội, dự án mở rộng Quốc lộ 1 các đoạn qua tỉnh Ninh Thuận và dự án Trung Lương – Mỹ Thuận theo hướng sử dụng nguồn vốn mới có chi phí sử dụng vốn thấp hơn và sử dụng nguồn thu của dự án được linh hoạt hơn.

Trong năm 2024 Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức của năm 2020 (6%) và phần còn lại của năm 2022 (8%); chi trả cổ tức năm 2023 (11%) theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Triển khai công tác nghiên cứu, đề xuất các dự án mới theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh. Tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển các dự án mới với danh mục 03 dự án quan tâm đầu thầu đã có quyết định về chủ trương đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.



2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

(Đvt: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.727.961	1.942.794
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	705.493	305.454
2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7.595	624.143
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	992.788	992.482
4.	Hàng tồn kho	6.150	9.499
5.	Tài sản ngắn hạn khác	15.935	11.216
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	21.185.742	21.520.718
2.	Các khoản phải thu dài hạn	1.212.632	1.470.333
3.	Tài sản cố định	16.386.593	15.863.940
4.	Tài sản dở dang dài hạn	68.329	36.891
6.	Tài sản dài hạn khác	3.518.187	4.149.553
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.913.703	23.463.512

b) Tình hình nợ phải trả

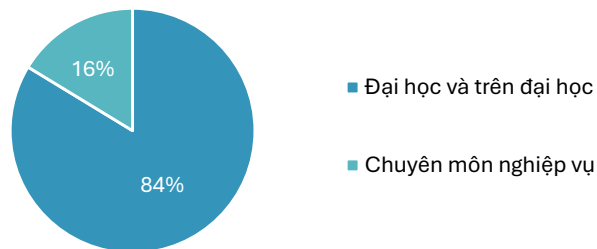
(Đvt: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024
A.	NỢ PHẢI TRẢ	17.729.845	17.778.676
1.	Nợ ngắn hạn	3.101.256	1.761.657
2.	Nợ dài hạn	14.628.589	16.017.019

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Số lượng cán bộ, nhân viên tại Công ty tính đến 31/12/2024 là 29 người và được cơ cấu theo trình độ như sau:



Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 40 giờ/tuần từ thứ 2 đến thứ 6.

Chính sách lương:

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực thực hiện công việc của người lao động, Công ty thực hiện phân phối lương phù hợp với chức danh công việc và tính chất công việc căn cứ vào các quy định của luật lao động và các quy định của Công ty.

Chính sách khen thưởng:

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty họp xét đánh giá, xếp loại dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ khen thưởng cho người lao động trong dịp cuối năm. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua việc trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi để chi cho người lao động trong các ngày lễ lớn; khen thưởng lao động tiên tiến, các cá nhân, tập thể có sáng kiến làm lợi cho Công ty,...

Chế độ phúc lợi:

Bên cạnh các chính sách lương thưởng, Công ty cũng quan tâm đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn để tổ chức cho người lao động được đi tham quan nghỉ mát và khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Các chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, làm nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn cho cơ quan BHXH Thành phố Hồ Chí Minh.

Mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả người lao động định kỳ hàng năm.

Công tác xã hội:

Bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, trong năm 2024 công ty cũng thực hiện một số hoạt động công tác xã hội với tổng số tiền 163.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Tặng quà Tết 2024 cho các hộ nghèo tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang;
- Chăm lo Tết Nguyên đán 2024 cho người nghèo, có hoàn cảnh khó khăn tại phường 11, Quận 6, TP.HCM;
- Hỗ trợ mua trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Tuy Phong.

CHƯƠNG 04: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ❖ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ❖ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
- ❖ CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:



1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

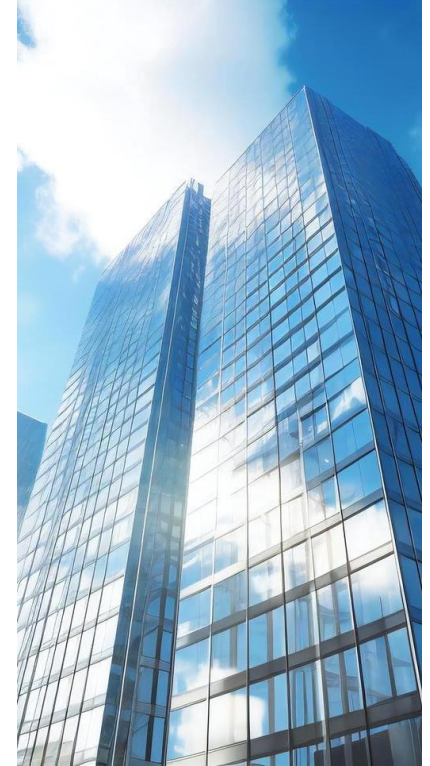
Ban Tổng giám đốc đã chủ động cố gắng triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của HĐQT trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh với kết quả doanh thu năm 2024 vượt 3%, lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 85% so với kế hoạch đề ra.

b. Công tác quản lý, khai thác, nghiên cứu đầu tư dự án:

- Ban điều hành đã tổ chức triển khai công tác giám sát, đối soát hoạt động thu phí tại một số dự án trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Trong năm 2024, công tác nghiên, phát triển dự án mới đã có những bước chuyển biến lớn với danh mục 03 dự án quan tâm đầu thầu đã có quyết định về chủ trương đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm tiền đề để HĐQT xem xét chủ trương đầu tư, phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của công ty.
- Để chuẩn bị bước đánh giá tính khả thi các Dự án đầu tư mới làm cơ sở tham mưu HĐQT quyết định tham gia đấu thầu Dự án trong năm 2025, Công ty đã phối hợp các đơn vị nhà thầu/ tư vấn để đưa ra giải pháp khảo sát giao thông.

c. Hoạt động tài chính:

- Công ty đã thực hiện hoàn thành công tác tái cấu trúc dòng tiền tại các dự án theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Năm 2024 công ty đã cân đối các nguồn vốn để thanh toán cổ tức cho cổ đông. Theo đó Thực hiện chi trả cổ tức của năm 2020 (6%) và phần còn lại của năm 2022 (8%); chi trả cổ tức năm 2023 (11%) theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.
- Đảm bảo công tác huy động vốn cho việc triển khai các dự án đầu tư.



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



a. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Ban điều hành đã chủ động triển khai kịp thời các Nghị quyết và chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của công ty.
- Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, kịp thời báo cáo và tham mưu cho Hội đồng quản trị quyết định những chủ trương quan trọng phù hợp với định hướng phát triển của công ty.
- Thực hiện tốt các chỉ đạo của HĐQT về việc củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Đặc biệt đã tập trung nỗ lực thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Chủ động phối hợp với các Doanh nghiệp dự án trực thuộc làm việc với các tổ chức tín dụng để tái cấu trúc dòng tiền tại các dự án nhằm giảm lãi suất vay tại các dự án.
- Quản lý chặt chẽ tình hình tài chính, đảm bảo cân đối dòng tiền, công tác huy động vốn phục vụ hoạt động của công ty và các công ty thành viên trực thuộc.
- Tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu, đề xuất dự án mới phục vụ định hướng phát công ty trong thời gian tới.

b. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo các hoạt động chủ yếu như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm tài chính 2024;
- Chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục triển khai nghiên cứu, đề xuất các dự án trọng điểm theo nội dung Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 13/03/2024 của Hội đồng quản trị để trình HĐQT quyết định chủ trương đầu tư.
- Chỉ đạo Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để tham gia đấu thầu các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Chỉ đạo, định hướng kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.
- Tiếp tục công tác giám sát đối với Tổng giám đốc, các thành viên Ban điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con trực thuộc;
- Chỉ đạo kiện toàn bộ máy quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.

CHƯƠNG 05: TÌNH HÌNH VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

- ❖ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- ❖ BAN KIỂM SOÁT
- ❖ CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT
- ❖ GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Thành viên không điều hành	Thành viên độc lập
1	Ông Nguyễn Văn Thành (Bổ nhiệm ngày 12/4/2023)	Chủ tịch	0%	x	
2	Ông Rodrigo E. Franco Đại diện cho: Metro Pacific Tollways Corporation	P. Chủ tịch	44,94%	x	
3	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	0%	x	
4	Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	0%		
5	Ông Francis Gerard E. Aberilla	Thành viên	0%		
6	Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên độc lập	0%	x	x
7	Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập	0%	x	x

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự (Họp trực tiếp/trực tuyến và lấy ý kiến bằng văn bản)	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	12/4/2023	12/12	100%	
2	Ông Rodrigo E. Franco	P. Chủ tịch	12/4/2023	12/12	100%	
3	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	12/4/2023	12/12	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	12/4/2023	12/12	100%	
5	Ông Francis Gerard E. Aberilla	Thành viên	12/4/2023	12/12	100%	
6	Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	12/4/2023	11/12	91,7%	Do bận công tác
7	Ông Lê Văn Nam	Thành viên	12/4/2023	12/12	100%	

3. Nội dung và kết quả các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông Qua
1	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT	09/01/2024	Điều chỉnh ngày thanh toán cổ tức năm 2020, 2022 và tạm ứng cổ tức (dợt 1) năm 2023.	100%
2	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT (Xin ý kiến bằng văn bản)	24/01/2024	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Phương án phát hành trái phiếu của Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận.	100%
3	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT (Xin ý kiến bằng văn bản)	22/02/2024	Thông qua Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023	100%
4	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT	13/3/2024	Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024./ - Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên + Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024. + Lựa chọn Công ty thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024. - Thông qua Quy chế tổ chức, hoạt động của Công ty.	100%
5	Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT (Xin ý kiến bằng văn bản)	22/03/2024	Thông qua chủ trương mua lại trái phiếu trước hạn của Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận.	100%
6	Quyết định số 01/QĐ-HĐQT	28/3/2024	Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023.	100%
7	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT (Xin ý kiến bằng văn bản)	18/06/2024	Thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2023.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
8	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	15/7/2024	Thông qua Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024.	100%
9	Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT (Xin ý kiến bằng văn bản)	26/9/2024	Thông nhất điều chỉnh ngày thanh toán cổ tức năm 2023.	100%
10	Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT (Xin ý kiến bằng văn bản)	06/11/2024	Thông nhất chủ trương đàm phán xử lý các vướng mắc của Dự án cầu Rạch Miếu với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.	100%
11	Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT (Xin ý kiến bằng văn bản)	18/11/2024	Thông qua việc điều chỉnh một số nội dung của Hợp đồng số 253/2023/HĐ-CEE.CIIBR ngày 05/9/2023 về việc chuyển nhượng khoản tiền được phân chia trong tương lai từ Dự án Trung Lương – Mỹ Thuận	100%
12	Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT	20/11/2024	Thông qua Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và Kế hoạch 3 tháng cuối năm 2024. Thông qua Kế hoạch di dời Văn phòng công ty.	100%
13	Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT (Xin ý kiến bằng văn bản)	20/12/2024	Thông nhất chủ trương đàm phán xử lý các vướng mắc của Dự án cầu Rạch Miếu với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty có 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

BAN KIỂM SOÁT



1. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Tỉ lệ sở hữu cổ phần
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng BKS	Bổ nhiệm 12/4/2023	0,0%
2	Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	12/4/2023	0,0%
3	Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	12/4/2023	0,0%

2. Cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng BKS	3/3	100%	0,0%
2	Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	3/3	100%	0,0%
3	Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	3/3	100%	0,0%

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024:

Số lượng thành viên Ban Tổng giám đốc: 3 thành viên.

- Ông Nguyễn Văn Chính
- Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla
- Bà Lương Thị Thu Yến

➤ **Tổng thù lao đã nhận: 4.010.410.235 đồng**

Thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2024:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhận thù lao: 9 thành viên.

- Ông Lê Vũ Hoàng (Miễn nhiệm ngày 12/4/2023)
- Ông Nguyễn Văn Thành (Bổ nhiệm ngày 12/4/2023)
- Ông Rodrigo E. Franco
- Ông Lê Quốc Bình
- Ông Nguyễn Văn Chính
- Ông Dương Trường Hải (Miễn nhiệm ngày 12/4/2023)
- Ông Lê Văn Nam (Bổ nhiệm ngày 12/4/2023)
- Ông Francis Gerard E. Aberilla
- Ông Christopher Daniel C. Lizo
- Ông Đặng Quang Phục – Thư ký Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhận thù lao: 4 thành viên.

- Ông Trần Ngọc Tiến (Miễn nhiệm ngày 12/4/2023)
- Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh (Bổ nhiệm ngày 12/4/2023)
- Bà Dương Thị Long Nghi
- Bà Lương Kim Diên An

➤ **Tổng thù lao đã nhận: 1.803.446.000 đồng**



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty CP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (CII)	Chủ tịch HĐQT	105.755.842	54,84%	99.955.842	51,83%	Bán để tập trung đầu mỗi khoản đầu tư cổ phiếu LGC về Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Chi tiết được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán của công ty (đính kèm), [Trang 56 - trang 59.](#)

CHƯƠNG 06: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 61



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên độc lập
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Số: 2061/2025/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2025, từ trang 4 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2023-072-1



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.942.794.069.640	1.727.961.289.823
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	305.454.143.139	705.492.714.069
1. Tiền	111		170.031.940.127	537.926.917.095
2. Các khoản tương đương tiền	112		135.422.203.012	167.565.796.974
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		624.142.948.403	7.595.478.187
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	624.142.948.403	7.595.478.187
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		992.482.022.522	992.788.275.552
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	34.166.256.902	45.803.648.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	30.230.098.994	23.697.266.059
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	592.825.170.466	589.236.587.513
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	449.223.327.608	429.519.989.760
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(113.962.831.448)	(95.469.216.638)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	9.498.552.800	6.149.680.853
1. Hàng tồn kho	141		9.498.552.800	6.149.680.853
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.216.402.776	15.935.141.162
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	548.002.803	4.496.178.977
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.721.324.709	9.484.369.421
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.947.075.264	1.954.592.764



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.520.717.677.521	21.185.742.049.392
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.470.333.097.065	1.212.632.401.892
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	1.194.200.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	1.469.138.897.065	1.212.632.401.892
II. Tài sản cố định	220		15.863.940.090.936	16.386.593.371.503
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	12.266.897.275	11.948.696.630
- Nguyên giá	222		48.342.069.134	44.766.654.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.075.171.859)	(32.817.957.829)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	15.851.673.193.661	16.374.644.674.873
- Nguyên giá	228		19.154.246.848.279	19.016.821.504.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.302.573.654.618)	(2.642.176.829.478)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.891.386.840	68.329.293.026
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	36.891.386.840	68.329.293.026
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.149.553.102.680	3.518.186.982.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	3.658.704.179.841	2.996.374.313.415
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	245.280.537.221	242.262.851.822
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	245.568.385.618	279.549.817.734
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.463.511.747.161	22.913.703.339.215

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.778.676.037.735	17.729.845.316.439
I. Nợ ngắn hạn	310		1.761.657.191.893	3.101.256.166.008
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	389.840.298.778	623.382.509.096
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.656.060.889	464.506.440.889
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	44.459.838.116	17.029.012.153
4. Phải trả người lao động	314		29.336.480.450	27.644.377.314
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	106.142.044.979	140.145.564.926
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	582.025.847.346	806.279.082.312
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	601.167.082.745	1.017.431.310.220
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.029.538.590	4.837.869.098
II. Nợ dài hạn	330		16.017.018.845.842	14.628.589.150.431
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	3.495.466.964.554	2.341.710.078.857
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	12.367.349.124.255	12.119.698.308.621
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	154.202.757.033	167.180.762.953
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.684.835.709.426	5.183.858.022.776
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	5.684.835.709.426	5.183.858.022.776
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	106.028.174.597
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.892.285.908.596	1.464.945.181.375
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.360.475.959.270	889.062.770.762
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		531.809.949.326	575.882.410.613
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.754.316.228.137	1.680.679.268.708
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.463.511.747.161	22.913.703.339.215



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2024	2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.606.007.502.075	1.702.630.820.294
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	102.449.115.744	105.606.623.638
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	2.503.558.386.331	1.597.024.196.656
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	813.805.866.892	526.737.780.940
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.689.752.519.439	1.070.286.415.716
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	454.757.936.361	418.227.268.368
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.018.887.203.997	345.210.640.419
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.007.557.010.065	344.029.156.218
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	69.551.025.106
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	124.409.382.279	114.902.865.864
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	176.214.650.074	131.139.415.722
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		824.999.219.450	966.811.787.185
12. Thu nhập khác	31		65.354.000	5.312.057.117
13. Chi phí khác	32		335.343.197	6.937.231.491
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(269.989.197)	(1.625.174.374)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		824.729.230.253	965.186.612.811
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	49.080.749.539	22.934.640.579
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(15.995.691.319)	15.023.059.699
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		791.644.172.033	927.228.912.533
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		531.809.949.326	691.595.269.613
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		259.834.222.707	235.633.642.920
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.718	3.550



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2024	2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	824.729.230.253	965.186.612.811
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	697.635.471.286	405.289.651.519
Các khoản dự phòng	03	18.493.614.810	51.176.018.182
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(95.715.163.053)	(471.553.468.484)
Chi phí lãi vay	06	1.018.887.203.997	344.029.156.218
Các khoản điều chỉnh khác	07	(254.462.237.212)	95.169.583.497
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.209.568.120.081	1.389.297.553.743
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.170.431.738)	1.845.169.777
Giảm hàng tồn kho	10	(3.348.871.947)	(1.278.771.651)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.692.600.635	2.527.264.684
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(81.951.819.099)	14.108.344.108
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.504.366.788.106)	(1.238.734.351.855)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.950.430.594)	(21.450.431.690)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.498.473.713)	(2.558.516.519)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	587.973.905.519	143.756.260.597
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(174.028.093.113)	(309.421.812.517)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.711.680.358.417)	(446.529.703.187)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.091.544.305.248	684.757.382.408
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.920.487.785)	(169.231.230.225)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	85.472.374.593	93.449.775.437
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(737.612.259.474)	(146.875.588.084)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2024	2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	13.136.200.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.907.028.382.615	12.544.951.331.800
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.596.378.265.546)	(11.561.759.851.233)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(574.186.534.044)	(372.422.668.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(250.400.216.975)	610.768.812.337
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(400.038.570.930)	607.649.484.850
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	705.492.714.069	97.843.229.219
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	305.454.143.139	705.492.714.069



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,84%, trong đó sở hữu trực tiếp 51,83% và sở hữu gián tiếp 3,01% thông qua Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (một công ty do CII sở hữu 100%).

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 283 và 270 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên công ty	31/12/2024				01/01/2024				Nơi thành lập và hoạt động
	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích		
	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	89%	0%	89%	0%	89%	0%	89%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	0%	51%	0%	51%	0%	51%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	50,36%	0%	50,36%	0%	50,71%	0%	50,71%	0%	Tỉnh Bến Tre
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	0%	51%	0%	51%	0%	51%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	0%	99,99%	0%	99,99%	0%	99,99%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	0%	99,99%	0%	99,99%	0%	99,99%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	0%	66,67%	0%	66,67%	0%	66,67%	0%	Tỉnh Bình Dương
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	99,99%	0%	99,99%	0%	99,99%	0%	99,99%	0%	Tỉnh Bình Dương

Hoạt động chính

Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miếu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác
Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

- (i) Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty, Công ty CII và cổ đông có liên quan ký ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty CII sẽ chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đồng thời được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 25 tháng 10 năm 2024 Hội đồng Quản trị Công ty CII đã ban hành Nghị Quyết về chủ trương tái cấu trúc các danh mục đầu tư giữa Công ty CII và nhóm các công ty con trong Tập đoàn, việc tái cấu trúc danh mục đầu tư dẫn đến một số thay đổi trong năm liên quan đến Công ty như sau:

- Từ ngày 17 tháng 12 năm 2024 đến ngày 23 tháng 12 năm 2024, Công ty CII đã chuyển nhượng 5,8 triệu cổ phiếu của Công ty, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 3,01%, cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII ("Công ty CII Invest"), một công ty con do CII sở hữu 100% vốn. Theo đó, Công ty CII hiện đang nắm giữ trực tiếp 51,83% và nắm giữ gián tiếp 3,01% quyền biểu quyết trong Công ty thông qua Công ty CII Invest.
- Ngày 18 tháng 12 năm 2024, Công ty CII đã chuyển nhượng khoản hợp tác đầu tư vào 40% vốn của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận theo thỏa thuận đã ký giữa Công ty và Công ty CII cho Công ty CII Invest.
- Ngày 27 tháng 12 năm 2024, Công ty CII đã chuyển nhượng quyền sở hữu trái phiếu BNTCH2433001 của Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và trái phiếu HNHCH2433001 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội cho Công ty CII Invest. Kể từ thời điểm này, Công ty CII Invest sẽ tiếp nhận toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các trái phiếu nêu trên.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh** (tiếp theo)

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc, khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết, liên doanh của Công ty và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khi đạt được quyền kiểm soát, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý trên báo cáo tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho** (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường, chi phí liên quan đến thủ tục vay vốn và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước, bao gồm chi phí đi vay của các khoản vay trực tiếp đầu tư vào dự án nhưng không được vốn hóa vào nguyên giá quyền thu phí giao thông theo quyết định của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền và chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ doanh thu thu phí khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động trên nguyên tắc bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án theo hợp đồng B.O.T.

Các khoản chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường được thực hiện theo quy định của hợp đồng B.O.T và được phân bổ theo thời gian sửa chữa, trung tu định kỳ của từng dự án.

Các khoản chi phí làm thủ tục vay vốn liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được phân bổ theo đường thẳng trong suốt thời hạn của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ khấu hao khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật dòng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế trên nguyên tắc bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án theo hợp đồng B.O.T.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 8 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ phải trả phát sinh từ các hợp đồng thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phí giao thông đường bộ

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé theo mức phí quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ từ các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hoạt động hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.171.322.028	1.560.067.782
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	168.860.618.099	536.366.849.313
Các khoản tương đương tiền	135.422.203.012	167.565.796.974
Cộng	305.454.143.139	705.492.714.069

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng. Số dư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ của khoản tương đương tiền này bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	624.142.948.403	7.595.478.187

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và lãi suất dao động từ 2,6%/năm đến 4,8%/năm. Số dư cuối kỳ bao gồm số tiền 423,5 tỷ đồng đã được sử dụng để cầm cố cho các khoản nợ vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam của Công ty CII và Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	4.971.752.607	17.398.692.791
Phải thu các bên khác	29.194.504.295	28.404.956.067
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Các khách hàng khác	21.893.727.321	21.104.179.093
Cộng	34.166.256.902	45.803.648.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T	19.402.886.070	12.285.475.343
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	10.817.512.434	11.402.090.226
Trả trước cho bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.4</i>)	9.700.490	9.700.490
Cộng	30.230.098.994	23.697.266.059

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.4</i>)	560.831.578.585	557.242.995.632
Các bên khác	31.993.591.881	31.993.591.881
<i>Công ty Cổ phần Hoàng An</i>	17.546.812.283	17.546.812.283
<i>Công ty Cổ phần Cầu 12</i>	14.446.779.598	14.446.779.598
Cộng	592.825.170.466	589.236.587.513
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	1.194.200.000	-
Cộng các khoản phải thu về cho vay	594.019.370.466	589.236.587.513

Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn cuối kỳ thể hiện các khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty CII), bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng đã ký năm 2015 và các phụ lục, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức hỗ trợ vốn là 500 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm, đáo hạn theo hợp đồng vào ngày 02 tháng 8 năm 2026 hoặc khi hai bên có nhu cầu thanh toán. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 497.150.167.627 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn với hạn mức theo hợp đồng ký ngày 26 tháng 9 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng với số tiền là 25 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn ngày 26 tháng 9 năm 2025. Lãi suất áp dụng trong năm từ 6,0%-8,5%/năm, không có tài sản đảm bảo. Vốn gốc và chi phí lãi phát sinh sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18.681.410.958 đồng.
- Khoản hợp tác kinh doanh theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký với hạn mức 100 tỷ đồng, đáo hạn vào ngày 06 tháng 6 năm 2025 nhằm thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh. Tỷ suất lợi nhuận Công ty được hưởng là 8,5%/năm tính trên số tiền hợp tác đã chuyển. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 45 tỷ đồng.

Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ phần Trung Lương Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuấn Lộc trong Công ty Cổ phần Trung Lương Mỹ Thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Phải thu khác**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng lợi nhuận (i)	140.241.454.319	140.241.454.319
Lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T (iv)	102.449.115.744	102.449.115.744
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z (ii)	66.500.000.000	66.500.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	32.985.791.839	29.149.961.537
Đặt cọc mua cổ phần (iii)	27.726.287.785	-
Phải thu các nhà thầu giá trị khối lượng thi công dự án không được quyết toán	22.536.888.505	22.536.888.505
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.521.911.624	2.136.939.644
Phải thu doanh số thu phí giao thông thu hộ	7.513.241.097	21.396.752.494
Các khoản phải thu khác	39.748.636.695	45.108.877.517
Cộng	449.223.327.608	429.519.989.760
b. Phải thu dài hạn		
Lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T (iv)	1.446.853.897.065	1.191.262.401.892
Các khoản phải thu khác	22.285.000.000	21.370.000.000
Cộng	1.469.138.897.065	1.212.632.401.892
Cộng các khoản phải thu khác	1.918.362.224.673	1.642.152.391.652
Trong đó, phải thu các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.4</i>)	6.362.217.632	2.377.560.218

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty con này khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(ii) Số dư thể hiện khoản tạm ứng cho hợp đồng tư vấn tổng thể dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận đã ký với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z. Các bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng này và đang làm các thủ tục cần thiết để thanh lý.

(iii) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo thỏa thuận hứa mua hứa bán ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuấn Lộc hứa bán và Công ty hứa mua số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuấn Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Phải thu khác** (tiếp theo)

(iv) Chi tiết số dư lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội (*)	1.108.652.654.215	1.209.439.259.143
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (**)	383.085.164.374	84.272.258.493
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương (***)	57.565.194.220	-
	1.549.303.012.809	1.293.711.517.636
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	<u>(102.449.115.744)</u>	<u>(102.449.115.744)</u>
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.446.853.897.065	1.191.262.401.892

(*) Khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong giai đoạn thi công của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội với tỷ suất lãi vốn chủ theo hợp đồng B.O.T là 14%/năm.

(**) Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi ước tính kế toán liên quan đến việc ghi nhận quyền và các lợi ích tài chính mà Công ty được hưởng từ Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận ("Dự án"): theo hợp đồng B.O.T, Công ty được hưởng lãi bảo toàn vốn chủ trong giai đoạn thu phí hoàn vốn với tỷ lệ 12%/năm cho phần cơ cấu vốn chủ. Đối với cấu phần vốn vay tài trợ cho Dự án, lãi suất sử dụng để tính thời gian hoàn vốn được khoán gọn theo mức lãi suất cho vay trung hạn bình quân của 3 ngân hàng lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo điều khoản của hợp đồng B.O.T. Các quyền và lợi ích nêu trên được thu hồi dần thông qua hoạt động thu phí giao thông. Như vậy, để phản ánh đầy đủ các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ việc đầu tư Dự án, trong năm Công ty đã điều chỉnh giá trị ghi sổ của quyền phải thu đối với lãi vốn chủ và phần chênh lệch giữa lãi vay được khoán theo hợp đồng B.O.T với lãi vay thực tế phát sinh. Việc thay đổi ước tính kế toán từ năm tài chính 2024 dựa trên việc cập nhật thông tin và xem xét các yếu tố mới. Cụ thể, trước năm 2024, doanh thu phát sinh từ trạm thu phí Km1584+100 Quốc lộ 1 (trạm thu phí Cà Ná) được chia sẻ cho hai dự án, bao gồm Dự án này và Dự án B.O.T đầu tư xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm ("Dự án NT1") (xem thêm *Thuyết minh V.11*). Khi Dự án NT1 tạm dừng thu phí để chờ quyết toán, toàn bộ doanh thu phát sinh tại trạm thu phí này được dùng để hoàn vốn cho Dự án.

(***) Tương tự như dự án Ninh Thuận, trong năm, Công ty điều chỉnh quyền phải thu đến từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu trong giai đoạn khai thác của Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương mà Công ty sẽ thu hồi từ hoạt động thu phí giao thông. Lãi bảo toàn vốn chủ là phần lợi nhuận được xác định trên số dư phần vốn chủ sở hữu chưa thu hồi nhân với tỷ suất lãi vốn chủ theo hợp đồng B.O.T là 8,4%/năm (xem thêm tại *Thuyết minh số VI.3*).

Việc thay đổi ước tính kế toán của Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A và Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 đã làm tăng giá trị quyền phải thu của Công ty và thu nhập tài chính phát sinh trong năm với giá trị là 359.042.773.308 đồng (*Thuyết minh số VI.3*). Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc ghi nhận toàn bộ các khoản lợi ích tài chính như trên là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và phản ánh hợp lý giá trị tài sản của Công ty khi đầu tư dự án. Giá trị quyền phải thu này có thể thay đổi khi Công ty thực hiện quyết toán tổng giá trị đầu tư của dự án, lãi suất đi vay thực tế thay đổi, hoặc phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.913.491.410	-	(26.913.491.410)	26.913.491.410	-	(26.913.491.410)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	31.993.591.881	6.910.603.537	(25.082.988.344)	31.993.591.881	6.910.603.537	(25.082.988.344)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.634.574.749	-	(1.634.574.749)	1.634.574.749	-	(1.634.574.749)
Phải thu ngắn hạn khác	106.483.544.834	46.151.767.889	(60.331.776.945)	44.838.162.135	3.000.000.000	(41.838.162.135)
Cộng	167.025.202.874	53.062.371.426	(113.962.831.448)	105.379.820.175	9.910.603.537	(95.469.216.638)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	2024	2023
	VND	VND
Số đầu năm	(95.469.216.638)	(40.612.893.961)
Trích lập dự phòng bổ sung	(18.493.614.810)	(51.176.018.182)
Tăng do hợp nhất công ty con	-	(3.769.311.000)
Xóa nợ trong năm	-	89.006.505
Số cuối năm	(113.962.831.448)	(95.469.216.638)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.498.552.800	-	6.149.680.853	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	490.268.859	-	490.268.859	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	9.008.283.941	-	5.659.411.994	-
Cộng	9.498.552.800	-	6.149.680.853	-

9. Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	328.896.990	369.741.562
Chi phí sửa chữa cầu đường	-	3.136.146.801
Các khoản chi phí trả trước khác	219.105.813	990.290.614
Cộng	548.002.803	4.496.178.977
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T(i)	3.372.055.485.512	2.755.620.372.773
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	179.756.991.542	113.279.455.423
Chi phí liên quan đến thủ tục vay chờ phân bổ	92.503.459.887	101.751.279.158
Chi phí quản lý dự án	3.786.904.669	10.150.273.681
Chi phí di dời, xây dựng trạm thu phí	4.373.333.878	7.872.001.006
Các khoản chi phí trả trước khác	6.228.004.353	7.700.931.374
Cộng	3.658.704.179.841	2.996.374.313.415
Cộng các khoản chi phí trả trước	3.659.252.182.644	3.000.870.492.392
(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:		
Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1	1.076.853.171.639	768.485.606.369
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	1.065.270.851.532	941.021.153.096
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	757.488.866.556	599.140.016.362
Dự án cầu Cổ Chiên	293.796.306.256	274.781.177.657
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	178.646.289.529	172.192.419.289
Cộng	3.372.055.485.512	2.755.620.372.773

Chi phí lãi vay các dự án B.O.T sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo doanh thu thu phí giao thông của các dự án. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 là 34,78%; Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 17,95%; Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 7% (tỷ lệ phân bổ của kỳ trước là 5%); Dự án cầu Cổ Chiên là 18%; Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 là 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước** (tiếp theo)

Tỷ lệ phân bổ lãi vay của các dự án sẽ được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế trên nguyên tắc bảo toàn lãi vốn chủ của dự án B.O.T.

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i) VND	Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường VND	Chi phí đi vay chờ phân bổ VND	Chi phí khác chờ phân bổ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	1.580.638.958.028	120.219.001.757	-	21.526.585.127	1.722.384.544.912
Phân loại lại	-	5.756.594.125	-	(5.756.594.125)	-
Tăng do hợp nhất công ty con	648.414.957.886	-	-	12.007.368.678	660.422.326.564
Chi phí tăng trong năm	744.510.003.751	36.998.136.047	102.534.564.396	8.306.712.131	892.349.416.325
Phân bổ trong năm	(217.943.546.892)	(49.694.276.506)	(783.285.238)	(10.360.865.750)	(278.781.974.386)
Tại ngày 31/12/2023	2.755.620.372.773	113.279.455.423	101.751.279.158	25.723.206.061	2.996.374.313.415
Tại ngày 01/01/2024	2.755.620.372.773	113.279.455.423	101.751.279.158	25.723.206.061	2.996.374.313.415
Chi phí tăng trong năm	1.150.235.578.997	81.765.128.129	-	3.421.271.931	1.235.421.979.057
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	56.415.964.555	-	-	56.415.964.555
Phân bổ trong năm	(533.800.466.258)	(71.703.556.565)	(9.247.819.271)	(14.756.235.092)	(629.508.077.186)
Tại ngày 31/12/2024	3.372.055.485.512	179.756.991.542	92.503.459.887	14.388.242.900	3.658.704.179.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2024	8.189.443.376	19.252.995.830	14.652.336.075	1.850.390.290	821.488.888	44.766.654.459					
Mua trong năm	-	261.519.000	2.680.771.818	341.579.000	-	3.283.869.818					
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	291.544.857	-	-	-	291.544.857					
Tại ngày 31/12/2024	8.189.443.376	19.806.059.687	17.333.107.893	2.191.969.290	821.488.888	48.342.069.134					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2024	7.020.220.233	13.104.946.268	10.963.249.830	1.568.812.793	160.728.705	32.817.957.829					
Khấu hao trong năm	164.579.040	1.353.719.652	1.534.128.010	89.872.508	114.914.820	3.257.214.030					
Tại ngày 31/12/2024	7.184.799.273	14.458.665.920	12.497.377.840	1.658.685.301	275.643.525	36.075.171.859					
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2024	1.169.223.143	6.148.049.562	3.689.086.245	281.577.497	660.760.183	11.948.696.630					
Tại ngày 31/12/2024	1.004.644.103	5.347.393.767	4.835.730.053	533.283.989	545.845.363	12.266.897.275					

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 24.054.829.624 đồng và 22.176.839.624 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	19.012.650.784.851	1.183.149.000	2.987.570.500	19.016.821.504.351
Mua trong năm	-	-	120.000.000	120.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	136.772.091.073	-	-	136.772.091.073
Tặng khác	533.252.855	-	-	533.252.855
Tại ngày 31/12/2024	19.149.956.128.779	1.183.149.000	3.107.570.500	19.154.246.848.279
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	2.640.543.531.033	-	1.633.298.445	2.642.176.829.478
Khấu hao trong năm	660.050.701.905	-	346.123.235	660.396.825.140
Tại ngày 31/12/2024	3.300.594.232.938	-	1.979.421.680	3.302.573.654.618
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	16.372.107.253.818	1.183.149.000	1.354.272.055	16.374.644.674.873
Tại ngày 31/12/2024	15.849.361.895.841	1.183.149.000	1.128.148.820	15.851.673.193.661

Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:

a. Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1

Quyền thu phí giao thông có được từ việc đầu tư xây dựng dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9.472.955.542.307 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T số 14/HĐ.BOT-GTVT ngày 18 tháng 11 năm 2016 ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang và các phụ lục hợp đồng. Dự án này được chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ 0h ngày 09 tháng 8 năm 2022. Theo phương án tài chính trong phụ lục hợp đồng B.O.T năm 2019, Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 14 năm 8 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong năm là 30,18%.

Tại ngày nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("Công ty dự án"), Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 691.728.230.913 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm 6 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**b. Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.578.148.197.470 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2021. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, Công ty được thu phí hoàn vốn dự kiến trong khoảng 17 năm 9 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 14%/năm bao gồm cả giai đoạn đầu tư xây dựng.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong kỳ này là 15,35% (tỷ lệ khấu hao kỳ trước là 13,426%).

c. Dự án Mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh

Công ty được phép thu phí giao thông tại trạm cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh. Nguyên giá của quyền thu phí tạm ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.120.436.031.106 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 05 tháng 7 năm 2021, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước.

Công ty thực hiện khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 33% (tỷ lệ khấu hao năm trước là 35%).

d. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.488.834.908.800 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (*thuyết minh bên dưới*) theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 19 năm 7 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 12%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 12,28%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**e. Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 698.254.877.278 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 09 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 01 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 30,81 năm, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng là 8,4%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10,47% (tỷ lệ khấu hao năm trước là 7,77%).

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

f. Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016. Theo hợp đồng B.O.T và phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 23% doanh thu thu phí của dự án.

Tỷ lệ khấu hao của các dự án B.O.T có thể được điều chỉnh khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế hàng năm.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (chi tiết xem tại Thuyết minh số V.20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý***Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm*

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo hợp đồng B.O.T ký ngày 08 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ 0h00 ngày 01 tháng 10 năm 2023. Đến thời điểm khóa sổ, Công ty đã khấu hao hết giá trị quyền thu phí và hiện đang làm các thủ tục để quyết toán giá trị thu phí hoàn vốn dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá tài sản chờ thanh lý là 575.246.181.077 đồng.

Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu

Quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu, đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình là phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 955.068.500 đồng và 715.000.000 đồng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	33.125.627.535	33.125.627.535
Dự án trung tu đọt 4 đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	-	32.012.604.651
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	3.191.060.840	3.191.060.840
Các dự án, hạng mục khác	574.698.465	-
Cộng	36.891.386.840	68.329.293.026

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	68.329.293.026	58.625.364.963
Chi phí đầu tư trong năm	162.041.694.299	345.396.096.120
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(291.544.857)	-
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(136.772.091.073)	(335.672.062.167)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(56.415.964.555)	(20.105.890)
Số dư cuối năm	36.891.386.840	68.329.293.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Lãi vốn chủ dự án		Lãi vốn chủ và lợi ích tài chính từ		Dự phòng phải trả		Đánh giá lại giá trị	
	B.O.T Xa lộ Hà Nội (i) VNĐ	B.O.T khác (ii) VNĐ	các dự án B.O.T khác (ii) VNĐ	người lao động con tại ngày mua (iii) VNĐ	tài sản thuần công ty con tại ngày mua (iii) VNĐ	Cộng VNĐ		
a. Tài sản thuế hoãn lại								
Tại ngày 01/01/2023	262.203.048.208	-	-	375.000.000	-	262.578.048.208		
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%	20%	20%	20%	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	20.315.196.386	-	-	-	-	20.315.196.386		
Tại ngày 01/01/2024	241.887.851.822	-	-	375.000.000	-	242.262.851.822		
Thuế suất thuế TNDN	20%	5%-14,23%	5%-14,23%	20%	20%	20%	20%	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	20.157.320.988	(23.175.006.387)	(23.175.006.387)	-	-	(3.017.685.399)		
Tại ngày 31/12/2024	221.730.530.834	23.175.006.387	23.175.006.387	375.000.000	-	245.280.537.221		
b. Thuế hoãn lại phải trả								
Tại ngày 01/01/2023	-	-	-	-	-	34.127.253.457		
Thuế suất thuế TNDN	N/A	N/A	N/A	20%	20%	20%	20%	
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	-	-	-	-	-	138.345.646.183	138.345.646.183	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	-	-	-	-	(5.292.136.687)	(5.292.136.687)	
Tại ngày 01/01/2024	-	-	-	-	-	167.180.762.953	167.180.762.953	
Thuế suất thuế TNDN	N/A	N/A	N/A	20%	20%	20%	20%	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	-	-	-	-	(12.978.005.920)	(12.978.005.920)	
Tại ngày 31/12/2024	-	-	-	-	-	154.202.757.033	154.202.757.033	

Tổng chi phí/(thu nhập) thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**(15.995.691.319)**

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hay khi nợ phải trả được thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)

- (i) Theo hợp đồng B.O.T Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội, Công ty được hưởng lãi bảo toàn vốn chủ trong thời gian thi công là 14%/năm. Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ phát sinh trong giai đoạn này được ghi nhận vào thu nhập tài chính của kỳ phát sinh và sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí khi dự án đi vào hoạt động. Công ty đã thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ nêu trên, đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại để phản ánh khoản thuế sẽ được khấu trừ trong tương lai khi phát sinh doanh thu thu phí. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư lãi bảo toàn vốn chủ của của Dự án còn được khấu trừ là 1.108.652.654.215 đồng (*xem Thuyết minh V.6*), theo đó giá trị thuế thu nhập còn được khấu trừ tương ứng là 221.730.530.834 đồng.
- (ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ lãi vốn chủ và quyền phải thu từ các Dự án B.O.T khác bao gồm:
- Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận: Công ty ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lãi bảo toàn vốn chủ và chênh lệch lãi suất đi vay của dự án là 299.669.584.999 đồng với mức thuế suất 5%, tương ứng 14.983.479.250 đồng. Thuế suất được sử dụng để ghi nhận thuế hoãn lại là thuế suất ưu đãi của Dự án vì Công ty dự kiến sẽ thu hồi đủ các khoản lợi ích này trong thời gian dự án được ưu đãi thuế;
 - Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương: số dư lãi vốn chủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 57.565.194.220 đồng, thuế hoãn lại tương ứng là 8.191.527.137 đồng. Thuế suất được sử dụng để ghi nhận tài sản thuế hoãn lại của dự án này là 14,23%, được tính theo thuế suất bình quân của các kỳ dự kiến thu hồi tài sản.
- (iii) Số dư cuối năm là thuế thu nhập hoãn lại phải trả của các giao dịch hợp nhất kinh doanh như sau:
- Chênh lệch phát sinh khi Công ty đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tại ngày hợp nhất kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 627.679.320.643 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 125.535.864.129 đồng.
 - Chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ tại ngày hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 143.334.464.525 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 28.666.892.904 đồng.

Các khoản thuế hoãn lại phải trả này sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2024	529.238.257.458
Tại ngày 31/12/2024	529.238.257.458
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2024	249.688.439.724
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	33.981.432.116
Tại ngày 31/12/2024	283.669.871.840
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2024	279.549.817.734
Tại ngày 31/12/2024	245.568.385.618

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	<i>Giá trị ghi sổ đồng thời là số có khả năng thanh toán</i>	
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	66.258.027.465	239.665.916.140
Phải trả các nhà cung cấp khác	323.582.271.313	383.716.592.956
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	37.328.789.023	105.047.656.180
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	83.562.382.137	71.877.933.336
Các đối tượng khác	202.691.100.153	206.791.003.440
Cộng	389.840.298.778	623.382.509.096

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	-	462.850.380.000
Các khách hàng khác	1.656.060.889	1.656.060.889
Cộng	1.656.060.889	464.506.440.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.316.741.198	5.068.511	-	1.311.672.687
Thuế giá trị gia tăng	489.865.770	-	-	489.865.770
Thuế thu nhập cá nhân	147.985.796	2.448.989	-	145.536.807
Cộng	1.954.592.764	7.517.500	-	1.947.075.264
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	7.642.466.843	166.759.948.893	162.641.625.529	11.760.790.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.063.848.962	49.075.681.028	25.950.430.594	32.189.099.396
Thuế thu nhập cá nhân	322.696.348	3.282.291.225	3.095.039.060	509.948.513
Tiền thuê đất, thuế đất	-	2.549.335.297	2.549.335.297	-
Các khoản khác	-	33.754.847	33.754.847	-
Cộng	17.029.012.153	221.701.011.290	194.270.185.327	44.459.838.116

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	67.273.817.838	76.376.696.239
Trích trước chi phí trung tu, duy tu, thi công	28.340.916.194	54.991.211.467
Chi phí phải trả khác	10.527.310.947	8.777.657.220
Cộng	106.142.044.979	140.145.564.926
Trong đó, chi phí phải trả cho bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.4</i>)	9.467.476.028	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức và lợi nhuận phải trả	501.898.882.705	780.972.874.571
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (i)	50.394.639.319	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn	12.948.701.521	375.261.074
Các khoản thu hộ	8.115.434.264	3.351.653.113
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.668.189.537	21.579.293.554
	582.025.847.346	806.279.082.312
b. Dài hạn		
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (i)	3.486.854.873.296	2.264.683.658.739
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	8.536.091.258
Nhận ký quỹ, ký cược	1.312.091.258	76.000.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	-	68.414.328.860
	3.495.466.964.554	2.341.710.078.857
Cộng các khoản phải trả khác	4.077.492.811.900	3.147.989.161.169
Trong đó, phải trả các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.4</i>)	4.016.952.766.562	2.936.268.377.010

(i) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản tiền nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và lãi phát sinh, bao gồm:

- Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 965.000.000.000 đồng.
- Khoản phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 902.980.382.919 đồng.
- Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 878.652.639.319 đồng.
- Khoản vốn nhận hợp tác để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích 40% với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (trước đây là hợp tác với Công ty CII) có giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 790.616.490.377 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng từ đi vay VND	Giảm do thanh toán nợ vay VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty CII - Công ty mẹ	34.132.281.037	34.132.281.037	70.624.959.505	54.615.784.614	18.123.106.146	18.123.106.146
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	17.976.340.170	17.976.340.170	1.602.829.631	-	16.373.510.539	16.373.510.539
Ngân hàng HDBank	-	-	50.000.000	550.000.000	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	-	-	-	4.161.639.224	4.161.639.224	4.161.639.224
Vay dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b</i>)	514.000.000.000	514.000.000.000	-	-	978.273.054.311	978.273.054.311
Trái phiếu đến hạn (xem <i>Thuyết minh b</i>)	35.058.461.538	35.058.461.538	-	-	-	-
Cộng	601.167.082.745	601.167.082.745	72.277.789.136	59.327.423.838	1.017.431.310.220	1.017.431.310.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	17.029.724.582	3 năm	21/07/2025	Lãi suất trong năm là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo.
	6.302.556.455	1 năm	13/04/2025		Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu.
	10.800.000.000	1 năm	13/04/2025		Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	34.132.281.037					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	17.976.340.170	12 tháng	30/11/2025	Lãi suất trong năm là 9,35%	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. b.	Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
		Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng từ đi vay VND	Giảm do thanh toán nợ vay VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
	Vay ngân hàng	9.606.174.989.170	9.606.174.989.170	10.200.000.000	2.288.513.269.348	11.884.488.258.518	11.884.488.258.518
	Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	8.618.351.483.479	8.618.351.483.479	-	539.079.630.309	9.157.431.113.788	9.157.431.113.788
	Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	509.999.379.211	509.999.379.211	-	126.000.000.000	635.999.379.211	635.999.379.211
	Ngân hàng BIDV - CN TP. Hồ Chí Minh	477.824.126.480	477.824.126.480	-	75.296.000.000	553.120.126.480	553.120.126.480
	Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	-	-	10.200.000.000	1.200.001.620.354	1.189.801.620.354	1.189.801.620.354
	Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	-	-	-	348.136.018.685	348.136.018.685	348.136.018.685
	Vay bên liên quan	1.601.262.949.234	1.601.262.949.234	973.086.476.054	585.306.631.234	1.213.483.104.414	1.213.483.104.414
	Công ty CII - Công ty mẹ	1.095.643.772.172	1.095.643.772.172	443.826.395.779	561.665.728.021	1.213.483.104.414	1.213.483.104.414
	Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	505.619.177.062	505.619.177.062	529.260.080.275	23.640.903.213	-	-
	Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(514.000.000.000)	(514.000.000.000)	-	-	(978.273.054.311)	(978.273.054.311)
	Trái phiếu phát hành	1.673.911.185.851	1.674.941.538.462	1.748.969.647.389	40.000.000.000	-	-
	Trái phiếu BNTCH2433001	1.184.487.000.000	1.185.000.000.000	1.199.487.000.000	15.000.000.000	-	-
	Trái phiếu HNHCH2433001	524.482.647.389	525.000.000.000	549.482.647.389	25.000.000.000	-	-
	Trừ: Mệnh giá trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới	(35.000.000.000)	(35.000.000.000)	-	-	-	-
	Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển vào chi phí trong 12 tháng tới	(58.461.538)	(58.461.538)	-	-	-	-
	Cộng	12.367.349.124.255	12.368.379.476.866	2.732.256.123.443	2.913.819.900.582	12.119.698.308.621	12.119.698.308.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	4.856.396.369.691	Tối đa 144 tháng, không vượt quá ngày 09/01/2035		Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,35%-8,55%	Tài trợ dự án B.O.T Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng B.O.T; - Toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của các Cổ đông góp vốn trong công ty và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này; - Toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty CII và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này; - Bảo lãnh của Công ty CII và CII B&R cam kết trả nợ thay cho Công ty Trung Lương Mỹ Thuận trong trường hợp các cổ đông góp vốn không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ.
	1.898.000.000.000	Tối đa 168 tháng, không vượt quá 6 tháng trước khi kết thúc dự án		Thả nổi, lãi suất trong năm là 7,8-8,0%	Đầu tư vào Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
	1.863.955.113.788	7 năm	26/11/2029			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn** (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	509.999.379.211	15 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong năm là 7,70%-8,24%	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên	Các lợi ích kinh tế từ quyền thu phí của dự án và quyền đối với phần vốn góp của các Nhà đầu tư.
Ngân hàng BIDV - CN TP. Hồ Chí Minh	477.824.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,2%-8,8%	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên	Quyền thu phí phát sinh từ dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
Công ty CII	1.095.643.772.172	Tương đương thời gian thu phí của dự án, dự kiến là 14		10,50%	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	505.619.177.062	10 năm	31/12/2033	10,50%	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn***Trái phiếu BNTCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 1.200 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 12.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 29 tháng 01 năm 2024;
- Kỳ hạn: 117 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đáo hạn: 29 tháng 10 năm 2033;
- Lãi trái phiếu: lãi suất cố định cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm; lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng tổng của 3%/năm và lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng (loại lãi trả sau và được huy động tại quầy) của 2 (hai) ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (làm tròn lên đến hai chữ số ở phần thập phân);
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: cơ cấu lại nợ của Công ty, cụ thể là thanh toán khoản nợ vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 theo Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTDDA/NHCT942-BOT NINH THUẬN ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, Công ty đã mua lại trước hạn 150 trái phiếu với tổng mệnh giá 15.000.000.000 đồng.

Trái phiếu HNHCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.500;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 07 tháng 02 năm 2024;
- Kỳ hạn: 117 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đáo hạn: 07 tháng 11 năm 2033;
- Lãi trái phiếu: lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,1%/năm; lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng bình quân lãi suất cho vay trung hạn được công bố của 4 (bốn) ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn theo phương án phát hành đã được phê duyệt: thanh toán một phần khoản nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0037/2338/D-TL/01 ngày 15 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 100 tỷ đồng, chi đầu tư cho dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ Ngã Ba trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao với tổng giá trị là 450 tỷ đồng. Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã sử dụng 100 tỷ đồng để trả nợ vay cho Ngân hàng Ngoại thương và 25.151.988.578 đồng để thanh toán chi phí đầu tư cho dự án. Khoản tiền thu từ phát hành trái phiếu tạm thời chưa sử dụng đang được Công ty gửi vào các tài khoản tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu HNHCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ đồng* (tiếp theo)

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, Công ty đã mua lại trước hạn 250 trái phiếu với tổng mệnh giá 25.000.000.000 đồng.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:*Lịch thanh toán của các khoản vay dài hạn*

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	514.000.000.000	978.273.054.311
Trong năm thứ hai	307.520.000.000	1.121.930.862.353
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.957.110.492.999	2.951.475.372.876
Sau năm năm	7.428.807.445.405	8.046.292.073.392
	11.207.437.938.404	13.097.971.362.932
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(514.000.000.000)	(978.273.054.311)
Cộng	10.693.437.938.404	12.119.698.308.621

Lịch thanh toán của các khoản trái phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	35.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	65.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	275.000.000.000	-
Sau năm năm	1.335.000.000.000	-
	1.710.000.000.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(35.000.000.000)	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(1.088.814.149)	-
Cộng	1.673.911.185.851	-

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ phân bổ dần vào chi phí lãi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.471.639.564.814	1.333.596.674.378	4.843.469.811.885
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	691.595.269.613	235.633.642.920	927.228.912.533
Chia cổ tức	-	-	-	(694.277.154.000)	(154.550.037.409)	(848.827.191.409)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.012.499.052)	-	(4.012.499.052)
Tặng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	265.998.988.819	265.998.988.819
Tại ngày 31/12/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.464.945.181.375	1.680.679.268.708	5.183.858.022.776
Tại ngày 01/01/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.464.945.181.375	1.680.679.268.708	5.183.858.022.776
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	531.809.949.326	259.834.222.707	791.644.172.033
Chia cổ tức	-	-	-	(96.427.382.500)	(198.685.159.678)	(295.112.542.178)
Cổ đông không kiểm soát góp thêm vốn	-	-	-	-	13.136.200.000	13.136.200.000
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(8.041.839.605)	(648.303.600)	(8.690.143.205)
Tại ngày 31/12/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.892.285.908.596	1.754.316.228.137	5.684.835.709.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 11% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến là 12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và 20% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước.

Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 6% trong năm 2023. Phần cổ tức còn lại tương ứng với tỷ lệ 5% đã được thanh toán cho cổ đông bằng tiền trong năm 2024.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2024	2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	2.559.759.970.359	1.687.046.307.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.537.196.148	9.540.234.331
Doanh thu hoạt động duy tu, xây lắp công trình	18.710.335.568	6.044.278.343
	2.606.007.502.075	1.702.630.820.294
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(102.449.115.744)	(105.606.623.638)
	(102.449.115.744)	(105.606.623.638)
Doanh thu thuần	2.503.558.386.331	1.597.024.196.656
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	41.796.109.665	12.362.916.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	779.505.816.729	515.403.092.750
Giá vốn cung cấp dịch vụ	17.707.371.975	8.218.383.585
Giá vốn hoạt động duy tu, xây lắp công trình	16.592.678.188	3.116.304.605
Cộng	813.805.866.892	526.737.780.940

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập tài chính từ dự án B.O.T (i)	359.042.773.308	16.315.734.081
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	95.715.163.053	70.773.925.815
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận khi nắm quyền kiểm soát	-	331.137.608.472
Cộng	454.757.936.361	418.227.268.368

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem *Thuyết minh VII.4*)

	87.027.904.049	42.268.418.459
--	----------------	----------------

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh V.6, khoản thu nhập phát sinh trong năm là các khoản lợi ích tài chính từ một số dự án B.O.T Công ty đang đầu tư và khai thác, được ghi nhận do ảnh hưởng từ việc thay đổi ước tính kế toán liên quan đến các quyền phải thu của Công ty đối với các dự án này.

4. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay, hợp tác đầu tư và lãi trái phiếu	1.007.557.010.065	344.029.156.218
Chi phí làm thủ tục vay, phát hành trái phiếu	11.330.193.932	1.181.484.201
Cộng	1.018.887.203.997	345.210.640.419

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem *Thuyết minh VII.4*)

	509.592.707.787	95.165.806.592
--	-----------------	----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	93.389.668.504	86.143.702.775
Chi phí lương nhân viên	6.481.693.857	5.226.866.828
Chi phí vận hành trạm thu phí	13.440.124.071	12.394.161.765
Các khoản chi phí bán hàng khác	11.097.895.847	11.138.134.496
Cộng	124.409.382.279	114.902.865.864
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.4</i>)	44.626.612.146	49.993.220.154

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	33.981.432.116	15.098.507.951
Chi phí lương nhân viên	28.331.159.093	16.474.454.497
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	1.397.418.012	1.039.843.479
Chi phí khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định vô hình từ hợp nhất kinh doanh	66.134.810.126	28.401.803.953
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	18.493.614.810	51.176.018.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.530.211.391	7.143.060.745
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.346.004.526	11.805.726.915
Cộng	176.214.650.074	131.139.415.722
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.4</i>)	709.545.304	26.400.000

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.197.042.328	998.741.364
Chi phí nhân công	70.703.975.881	33.425.989.951
Chi phí khấu hao tài sản cố định	663.565.907.822	395.215.619.156
Chi phí dự phòng	18.493.614.810	49.482.670.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.166.274.821	269.475.811.951
Chi phí bằng tiền khác	34.001.054.150	11.806.532.248
Cộng	1.104.127.869.812	760.405.364.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2024		2023		Cộng VND
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.367.775.702.550	(543.046.472.297)	771.409.463.153	193.777.149.658	965.186.612.811
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	86.967.370.781	515.406.962.525	(348.489.276)	(242.679.707.356)	(243.028.196.631)
Phân bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất	-	64.890.029.596	-	26.460.683.434	26.460.683.434
Lợi thế thương mại phân bổ	-	33.981.432.116	-	15.098.507.951	15.098.507.951
Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	(331.137.608.472)	(69.551.025.106)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	(69.551.025.106)	(69.551.025.106)
Hoàn nhập lợi nhuận/lỗ chịu thuế bị bù trừ khi hợp nhất	-	222.753.129.493	-	70.196.898.288	70.196.898.288
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	-	-	(5.024.475.588)	(5.024.475.588)
Chi phí không được trừ	86.967.370.781	193.782.371.320	(348.489.276)	51.277.312.137	50.928.822.862
Tổng thu nhập chịu thuế	1.454.743.073.331	(27.639.509.772)	771.060.973.877	(48.902.557.698)	722.158.416.180
Bù trừ lãi và lỗ giữa các hoạt động	(114.029.430.045)	114.029.430.045	(106.760.940.697)	106.760.940.697	-
Lỗ tính thuế mang sang	-	-	(692.121.497)	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	1.340.713.643.286	86.389.920.273	663.607.911.683	57.858.382.999	722.158.416.180
Thu nhập tính thuế 20%	101.653.548.950	86.389.920.273	103.306.373.057	57.858.382.999	161.164.756.056
Thu nhập tính thuế 10%	1.239.060.094.336	-	560.301.538.626	-	560.301.538.626
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	144.236.719.224	17.277.984.054	76.691.428.474	11.571.676.601	88.263.105.075
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (i)	(88.987.502.854)	-	(59.491.098.202)	-	(59.491.098.202)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% (i)	(23.446.450.885)	-	(5.837.366.294)	-	(5.837.366.294)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.802.765.485	17.277.984.054	11.362.963.978	11.571.676.601	22.934.640.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** (tiếp theo)

- (i) Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	531.809.949.326	691.595.269.613
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(7.630.242.879)	(6.977.232.619)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	524.179.706.447	684.618.036.994
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.718	3.550

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 23 tháng 4 năm 2024.

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 2,5% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	2024 VND	2023 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm (mã số 33)		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	11.852.829.631	9.314.089.237.172
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	1.748.860.000.000	-
Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	1.146.315.552.984	3.230.862.094.628
	2.907.028.382.615	12.544.951.331.800
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm (mã số 34)		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.707.918.277.338	7.944.530.807.950
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	40.000.000.000	-
Tiền trả nợ vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	263.153.356.974	3.617.229.043.283
	2.011.071.634.312	11.561.759.851.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các hợp đồng thuê văn phòng không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	3.115.886.801	4.030.021.971
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.904.029.091	7.855.179.237
Cộng	6.019.915.892	11.885.201.208

3. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông và các dịch vụ khác.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

	Hoạt động thu phí giao thông VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.457.310.854.615	18.710.335.568	27.537.196.148	-	2.503.558.386.331
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	90.271.130.620	20.539.587.358	(110.810.717.978)	-
Cộng	2.457.310.854.615	108.981.466.188	48.076.783.506	(110.810.717.978)	2.503.558.386.331
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	779.505.816.729	16.592.678.188	17.707.371.975	-	813.805.866.892
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	82.034.437.156	13.835.614.150	(95.870.051.306)	-
Cộng	779.505.816.729	98.627.115.344	31.542.986.125	(95.870.051.306)	813.805.866.892
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.677.805.037.886	10.354.350.844	16.533.797.381	(14.940.666.672)	1.689.752.519.439
Doanh thu hoạt động tài chính					454.757.936.361
Chi phí tài chính					1.018.887.203.997
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					-
Chi phí bán hàng					124.409.382.279
Chi phí quản lý doanh nghiệp					176.214.650.074
Thu nhập khác					65.354.000
Chi phí khác					335.343.197
Chi phí thuế TNDN hiện hành					49.080.749.539
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(15.995.691.319)
Tổng lợi nhuận sau thuế					791.644.172.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

	Hoạt động thu phí giao thông VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.581.439.683.982	6.044.278.343	9.540.234.331	-	1.597.024.196.656
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	39.744.575.293	9.961.007.796	(49.705.583.089)	-
Cộng	1.581.439.683.982	45.788.853.636	19.501.242.127	(49.705.583.089)	1.597.024.196.656
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	515.403.092.750	2.700.277.309	8.634.410.881	-	526.737.780.940
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	39.744.575.293	2.958.296.757	(42.702.872.050)	-
Cộng	515.403.092.750	42.444.852.602	11.592.707.638	(42.702.872.050)	526.737.780.940
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.066.036.591.232	3.344.001.034	7.908.534.489	(7.002.711.039)	1.070.286.415.716
Doanh thu hoạt động tài chính					418.227.268.368
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					69.551.025.106
Chi phí tài chính					345.210.640.419
Chi phí bán hàng					114.902.865.864
Chi phí quản lý doanh nghiệp					131.139.415.722
Thu nhập khác					5.312.057.117
Chi phí khác					6.937.231.491
Chi phí thuế TNDN hiện hành					22.934.640.579
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					15.023.059.699
Tổng lợi nhuận sau thuế					927.228.912.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động tại chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Bộ phận quản lý, thi công lắp đặt duy tu công trình, dịch vụ cho thuê mặt bằng và tư vấn được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động thu phí giao thông được thực hiện tại các tỉnh còn lại. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh		Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Ninh Thuận		Tỉnh Bình Thuận		Tỉnh Trà Vinh		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán														
Tại ngày 31/12/2024														
Tài sản ngắn hạn	2.631.548.740.388	341.596.983.972	259.946.771.657	380.929.832.927	93.939.287.841	14.929.040.850	(1.780.096.587.995)	1.942.794.069.640						
Tài sản dài hạn	5.779.322.958.200	10.006.428.441.811	2.913.038.877.978	1.064.298.133.632	711.058.469.634	822.371.475.624	224.199.320.642	21.520.717.677.521						
Nợ phải trả	7.883.565.212.646	8.597.258.975.685	2.038.317.834.714	529.388.940.284	306.215.327.433	481.970.470.840	(2.058.040.723.867)	17.778.676.037.735						
Tại ngày 01/01/2024														
Tài sản ngắn hạn	1.996.519.300.695	315.903.179.213	268.225.207.354	355.103.651.381	80.455.796.025	15.119.578.191	(1.303.365.423.036)	1.727.961.289.823						
Tài sản dài hạn	5.816.539.424.018	9.939.376.655.607	2.518.493.900.847	1.113.515.855.989	669.282.416.471	835.295.347.602	293.238.448.858	21.185.742.049.392						
Nợ phải trả	7.428.493.002.301	8.498.143.886.178	1.879.833.938.073	656.265.563.198	262.689.018.538	557.681.641.415	(1.553.261.733.264)	17.729.845.316.439						
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh														
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024														
Doanh thu thuần	620.207.328.472	1.079.169.449.716	225.982.723.442	260.037.649.090	293.172.471.267	135.799.482.322	(110.810.717.978)	2.503.558.386.331						
Giá vốn	168.960.258.354	367.589.072.241	66.856.660.848	108.688.473.011	161.281.870.402	36.299.583.342	(95.870.051.306)	813.805.866.892						
Lợi nhuận gộp	451.247.070.118	711.580.377.475	159.126.062.594	151.349.176.079	131.890.600.865	99.499.898.980	(14.940.666.672)	1.689.752.519.439						
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023														
Doanh thu thuần	698.215.559.378	214.094.311.766	267.981.932.904	254.110.800.455	101.568.189.805	110.758.985.437	(49.705.583.089)	1.597.024.196.656						
Giá vốn	149.482.218.882	66.214.592.600	145.449.903.302	100.696.732.542	36.887.223.471	28.007.110.143	-	526.737.780.940						
Lợi nhuận gộp	548.733.340.496	147.879.719.166	122.532.029.602	153.414.067.913	64.680.966.334	82.751.875.294	(49.705.583.089)	1.070.286.415.716						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan****Các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII (trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư CII ("CII Invest") (trước đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Trung Bộ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết của tập đoàn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	4.465.362.542	16.892.302.726
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Cộng	4.971.752.607	17.398.692.791
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty CII E&C	9.700.490	9.700.490
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CII	560.831.578.585	557.242.995.632
Phải thu khác		
Lãi cho vay, hỗ trợ vốn	6.194.174.632	1.950.808.218
Công ty CII E&C	5.471.242.466	-
Công ty CII	722.932.166	1.950.808.218
Tiền doanh thu thu phí giao thông		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	168.043.000	426.752.000
Cộng phải thu khác	6.362.217.632	2.377.560.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Bên liên quan (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính (tiếp theo)

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CII E&C	44.735.873.223	65.514.832.519
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	21.522.154.242	15.372.781.819
Công ty CII	-	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	5.000.000
Cộng	66.258.027.465	239.665.916.140
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty CII	-	462.850.380.000
Chi phí phải trả - Lãi trái phiếu		
Công ty CII Invest	9.467.476.028	-
Phải trả khác		
Các khoản hợp tác đầu tư	3.537.249.512.615	2.264.683.658.739
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	965.000.000.000	615.000.547.946
Công ty CII E&C	902.980.382.919	756.878.767.123
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	878.652.639.319	892.804.343.670
Công ty CII Invest	790.616.490.377	-
Cổ tức phải trả	466.510.509.426	602.318.645.972
Công ty CII	463.777.405.702	597.038.269.143
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	2.733.103.724	5.280.376.829
Phải trả chi phí sử dụng vốn		
Công ty CII	12.948.701.521	68.763.320.299
Khoản thu hộ về phí giao thông		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	168.043.000	426.752.000
Nhận ký quỹ, ký cược		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	76.000.000	76.000.000
Cộng phải trả khác	4.016.952.766.562	2.936.268.377.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
Công ty CII		
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	1.750.000.000.000	-
Chuyển tiền mua lại trái phiếu	40.000.000.000	-
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	484.005.747.778	47.306.430.154
Nhận tiền hỗ trợ vốn	231.865.376.037	262.347.191.188
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	66.113.227.010	3.617.229.043.283
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	235.132.888.201	427.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	180.683.129.554	56.757.382.408
Thu nhập từ tiền hỗ trợ vốn	55.206.661.583	27.265.953.159
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	201.130.477.400	323.687.534.923
Chi trả cổ tức trong năm	334.391.340.841	-
Mua dịch vụ	154.545.455	163.636.364
Thanh toán lãi vay	-	385.526.224.676
Thu hồi tiền chuyển nhượng vốn trong công ty Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Công ty CII E&C		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	430.000.000.000	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	430.000.000.000	-
Thu nhập từ tiền hỗ trợ vốn	31.821.242.466	-
Chi phí hợp tác đầu tư	80.191.546.516	6.878.767.123
Chuyển trả tiền lãi hợp tác đầu tư	67.731.891.781	-
Chi phí thi công công trình	22.459.340.553	34.202.039.911
Nhận tiền hợp tác đầu tư	207.500.000.000	750.000.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	43.644.617.081	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII		
Chi phí duy tu, xây lắp, cảnh quan, sửa chữa bảo trì đường bộ	66.387.888.960	77.330.058.455
Chi phí dịch vụ thu phí giao thông	40.684.746.191	39.258.273.819
Chi phí dịch vụ cho thuê nhà và xe	1.041.818.184	-
Cung cấp dịch vụ	41.646.133.065	688.847.730
Chia lợi nhuận	4.108.078.723	-
Thanh toán lợi nhuận	6.655.351.829	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Chi phí hợp tác đầu tư	88.152.188.937	39.980.061.369
Chuyển trả tiền lãi hợp tác đầu tư	70.447.085.590	-
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	4.107.206.620	39.685.717.699
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	892.510.000.000
Mua dịch vụ	219.191.924	163.636.364
Cung cấp dịch vụ	59.976.600	-
Nhận hoàn trả tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	200.000.000.000
Thu nhập từ tiền hỗ trợ vốn	-	7.833.980.369

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Bên liên quan (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	386.000.000.000	614.000.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	28.000.000.000	-
Chi phí hợp tác đầu tư	104.008.748.628	1.000.547.946
Thanh toán tiền lãi hợp tác đầu tư	82.980.205.479	-
Mua dịch vụ	3.442.522.360	3.352.263.007
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Mua dịch vụ	277.777.776	69.444.444
Cung cấp dịch vụ	90.000.000	-
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	400.000.000.000
Thu nhập từ tiền hỗ trợ vốn	-	6.334.246.575
Công ty CII Invest		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	27.500.000.000	-
Chi phí hợp tác đầu tư	12.194.810.105	-

Trong năm, Công ty chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Họ và tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	200.745.000	-
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	69.772.000	200.625.000
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	216.414.000	160.500.000
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	134.128.333	-
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	46.216.667	133.750.000
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Đặng Quang Phục	Thư ký	54.100.000	-
Cộng		1.442.756.000	1.029.875.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Họ và tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát	106.765.667	-
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 12/04/2023)	37.510.333	107.000.000
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Cộng		<u>360.690.000</u>	<u>267.500.000</u>

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	2.078.201.048	1.708.279.175
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	1.166.524.995	926.695.057
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2023)	-	203.153.187
Bà Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	765.684.192	631.610.118
Cộng		<u>4.010.410.235</u>	<u>3.469.737.537</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên độc lập
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Số: 2060/2025/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2025, từ trang 4 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2023-072-1

Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.972.722.219.839	1.837.282.771.463
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.279.355.620	376.864.985.966
1. Tiền	111		3.779.355.620	365.364.985.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.500.000.000	11.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.954.840.442.475	1.457.334.248.135
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	31.910.894.537	28.374.208.850
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.965.912.880	850.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	497.150.167.627	499.242.995.632
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.458.356.212.506	963.409.788.728
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	490.268.859	490.268.859
1. Hàng tồn kho	141		490.268.859	490.268.859
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.112.152.885	2.593.268.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		60.150.000	19.675.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.384.705.560	906.296.175
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.667.297.325	1.667.297.325
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.775.271.984.212	4.730.602.732.159
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		404.674.200.000	385.680.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	404.674.200.000	385.680.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.144.808.203	3.500.751.303
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.144.808.203	3.500.751.303
- Nguyên giá	222		6.823.006.016	6.481.427.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.678.197.813)	(2.980.675.713)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		175.100.465	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		175.100.465	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.364.680.402.847	4.339.597.498.436
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	4.364.680.402.847	4.339.597.498.436
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.597.472.697	1.824.482.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.597.472.697	1.824.482.420
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.747.994.204.051	6.567.885.503.622

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.951.575.700.880	3.973.272.100.508
I. Nợ ngắn hạn	310		457.420.827.584	1.701.288.441.769
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	21.369.755.681	173.482.957.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.875.433.358	464.708.675.949
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	245.610.821	239.288.274
4. Phải trả người lao động	314		-	618.721.428
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	564.005.323
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	395.550.607.323	718.160.298.399
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	34.132.281.037	341.805.406.465
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.247.139.364	1.709.088.269
II. Nợ dài hạn	330		3.494.154.873.296	2.271.983.658.739
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	3.494.154.873.296	2.271.983.658.739
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.796.418.503.171	2.594.613.403.114
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	2.796.418.503.171	2.594.613.403.114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.212.950.485	91.212.950.485
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		773.000.154.590	571.195.054.533
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		467.790.439.415	407.818.608.772
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		305.209.715.175	163.376.445.761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.747.994.204.051	6.567.885.503.622



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2024	2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10.219.187.289	7.857.800.984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		10.219.187.289	7.857.800.984
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9.366.549.905	5.177.093.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		852.637.384	2.680.707.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	794.245.124.337	430.173.678.843
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	472.118.161.089	139.267.674.707
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		472.118.161.089	139.267.674.707
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17.725.292.552	14.588.315.500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		305.254.308.080	278.998.395.670
11. Thu nhập khác	31		-	90.909.091
12. Chi phí khác	32		44.592.905	-
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(44.592.905)	90.909.091
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		305.209.715.175	279.089.304.761
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		305.209.715.175	279.089.304.761



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		2024	2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	305.209.715.175	279.089.304.761
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	697.522.100	410.790.520
Các khoản dự phòng	03	-	1.693.348.003
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(794.245.124.337)	(430.173.678.843)
Chi phí lãi vay	06	472.118.161.089	139.267.674.707
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(16.219.725.973)	(9.712.560.852)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.562.730.698)	2.301.136.256
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(175.100.465)	3.228.365
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.614.588.651)	(2.886.603.408)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(813.465.274)	3.437.765.205
Tiền lãi vay đã trả	14	(233.734.768.382)	(273.181.536.944)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.043.735.000)	(2.229.202.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(264.164.114.443)	(282.267.773.378)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(341.579.000)	(3.457.132.370)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(274.632.888.201)	(551.100.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	212.383.129.554	85.757.382.408
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.920.487.785)	(770.206.104.692)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	97.565.688.072
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	292.647.701.158	192.869.799.385
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	201.135.875.726	(948.570.367.197)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	664.124.959.505	3.006.432.304.692
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(481.549.908.634)	(1.127.984.141.378)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(482.132.442.500)	(308.567.624.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(299.557.391.629)	1.569.880.539.314
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(362.585.630.346)	339.042.398.739
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	376.864.985.966	37.822.587.227
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	14.279.355.620	376.864.985.966


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,84%, trong đó sở hữu trực tiếp 51,83% và sở hữu gián tiếp 3,01% thông qua Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (một công ty do CII sở hữu 100%).

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 35 và 28 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

Tên công ty	31/12/2024				01/01/2024				Hoạt động chính
	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích		
	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)		
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	89%	89%	89%	89%	89%	89%	0%	0%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	51%	51%	51%	51%	0%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	100%	100%	100%	100%	0%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50,36%	50,71%	50,36%	50,71%	50,71%	50,71%	0%	0%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	51%	51%	51%	51%	0%	0%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	0%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%	0%	0%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

- (i) Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty, Công ty CII và cổ đông có liên quan ký ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty CII sẽ chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đồng thời được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Ngày 25 tháng 10 năm 2024 Hội đồng Quản trị Công ty CII đã ban hành Nghị Quyết về chủ trương tái cấu trúc các danh mục đầu tư giữa Công ty CII và nhóm các công ty con trong Tập đoàn, việc tái cấu trúc danh mục đầu tư dẫn đến một số thay đổi trong năm liên quan đến Công ty như sau:

- Từ ngày 17 tháng 12 năm 2024 đến ngày 23 tháng 12 năm 2024, Công ty CII đã chuyển nhượng 5,8 triệu cổ phiếu của Công ty, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 3,01%, cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII ("Công ty CII Invest"), một công ty con do CII sở hữu 100% vốn. Theo đó, Công ty CII hiện đang nắm giữ trực tiếp 51,83% và nắm giữ gián tiếp 3,01% quyền biểu quyết trong Công ty thông qua Công ty CII Invest.
- Ngày 18 tháng 12 năm 2024, Công ty CII đã chuyển nhượng khoản hợp tác đầu tư vào 40% vốn của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận theo thỏa thuận đã ký giữa Công ty và Công ty CII cho Công ty CII Invest.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Đầu tư vào công ty con* (tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho** (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.779.355.620	365.364.985.966
Các khoản tương đương tiền	10.500.000.000	11.500.000.000
Cộng	14.279.355.620	376.864.985.966

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng. Số dư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ của khoản tương đương tiền này bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	8.614.010.632	5.077.324.945
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	7.300.776.974	7.300.776.974
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	3.744.703.767	3.744.703.767
Các khách hàng khác	2.482.780.198	2.482.780.198
Cộng	9.768.622.966	9.768.622.966
	31.910.894.537	28.374.208.850

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - Công ty Cổ phần	574.383.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Trả trước cho bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	540.430.980	-
Các nhà cung cấp khác	1.098.900	-
Cộng	1.965.912.880	850.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	497.150.167.627	499.242.995.632
b. Dài hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	403.480.000.000	385.680.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	1.194.200.000	-
	404.674.200.000	385.680.000.000
Tổng cộng phải thu về cho vay	901.824.367.627	884.922.995.632

Số dư cuối kỳ của các khoản cho vay với bên liên quan bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn cho Công ty CII theo hợp đồng đã ký năm 2015 và các phụ lục, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức hỗ trợ vốn là 500 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm, đáo hạn theo hợp đồng là vào ngày 02 tháng 8 năm 2026 hoặc khi hai bên có nhu cầu thanh toán. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 497.150.167.627 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn dài hạn cho Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận với hạn mức theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký là 600 tỷ đồng, thời hạn là 5 năm và sẽ đáo hạn vào ngày 06 tháng 11 năm 2030. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là nhằm bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, lãi suất áp dụng trong năm là 10,5%/năm. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 403.480.000.000 đồng.

Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ phần Trung Lương - Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuấn Lộc trong Công ty Cổ phần Trung Lương Mỹ Thuận.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.370.239.808.603	788.195.192.955
Tạm góp vốn bổ sung vào dự án cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận	47.275.800.000	154.753.800.000
Đặt cọc mua cổ phần (i)	27.726.287.785	-
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay hỗ trợ vốn	3.050.496.907	9.446.139.600
Các khoản phải thu khác	10.063.819.211	11.014.656.173
Cộng	1.458.356.212.506	963.409.788.728
Trong đó, phải thu các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	1.420.484.955.167	952.375.603.788

- (i) Số dư cuối năm thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo thỏa thuận hứa mua hứa bán ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuấn Lộc hứa bán và Công ty hứa mua số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuấn Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2024		01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.804.269.724	-	(22.804.269.724)	22.804.269.724	(22.804.269.724)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	850.000.000	-	(850.000.000)	850.000.000	(850.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	10.888.475.351	-	(10.888.475.351)	10.888.475.351	(10.888.475.351)
Cộng	34.542.745.075	-	(34.542.745.075)	34.542.745.075	(34.542.745.075)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	(34.542.745.075)	(32.938.403.577)
Trích lập dự phòng trong năm	-	(1.693.348.003)
Xóa nợ trong năm	-	89.006.505
Số dư cuối năm	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)

7. Hàng tồn kho	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu đỡ dang	490.268.859	-	490.268.859	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa	Máy móc,	Phương tiện vận	Thiết bị,	Tài sản cố định	Cộng
	vật kiến trúc	thiết bị	tài, truyền dẫn	dụng cụ quản lý	hữu hình khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	854.759.656	460.370.000	4.372.682.072	104.126.400	689.488.888	6.481.427.016
Mua trong năm	-	-	-	341.579.000	-	341.579.000
Tại ngày 31/12/2024	854.759.656	460.370.000	4.372.682.072	445.705.400	689.488.888	6.823.006.016
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	811.943.184	38.364.165	2.032.465.291	69.174.368	28.728.705	2.980.675.713
Khấu hao trong năm	7.137.984	65.767.140	419.829.648	89.872.508	114.914.820	697.522.100
Tại ngày 31/12/2024	819.081.168	104.131.305	2.452.294.939	159.046.876	143.643.525	3.678.197.813
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	42.816.472	422.005.835	2.340.216.781	34.952.032	660.760.183	3.500.751.303
Tại ngày 31/12/2024	35.678.488	356.238.695	1.920.387.133	286.658.524	545.845.363	3.144.808.203

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 1.757.834.954 đồng và 1.726.044.954 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2024				01/01/2024			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	147.940.699	1.889.009.917.776	-	-	137.312.319	1.863.927.013.365	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	-	94.350.000	943.500.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	-	-		607.325.833.333	-	-
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	-	-	28.700.000	335.996.028.454	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-	-		242.278.623.284	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	-	21.998.000	219.980.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		106.590.000.000	-	-		106.590.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	2.000.000	20.000.000.000	-	-	2.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng		4.364.680.402.847				4.339.597.498.436		

Trong năm, Công ty ghi nhận tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("TLMT") với số tiền là 106.283.800.000 đồng. Việc tăng vốn điều lệ này không làm thay đổi tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ nắm giữ biểu quyết của Công ty trong công ty con. Bên cạnh đó, đối với khoản lợi nhuận được chia từ Công ty TLMT trong năm, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính từ lợi nhuận được chia của giai đoạn trước khi TLMT trở thành công ty con theo tỷ lệ lợi ích 50% và lợi nhuận được chia của giai đoạn sau khi TLMT trở thành công ty con theo tỷ lệ lợi ích 89%. Phần lợi nhuận được chia còn lại của giai đoạn trước khi đạt quyền kiểm soát được ghi nhận giảm vào giá gốc của khoản đầu tư vào công ty con với giá trị là 81.200.895.589 đồng. Như vậy, kết quả của các giao dịch trên đã làm giá gốc khoản đầu tư vào công ty TLMT tăng thêm 25.082.904.411 đồng so với đầu kỳ.

Giá trị hợp lý của các công ty con không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	2.567.314.973	1.703.851.512
Thiết bị, dụng cụ quản lý xuất dùng	30.157.724	120.630.908
Cộng	2.597.472.697	1.824.482.420

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Giá trị ghi sổ đồng thời là số có khả năng thanh toán</i>		
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	850.000.000	159.623.301.802
Phải trả các bên khác	20.519.755.681	13.859.655.860
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	12.082.849.908	8.723.509.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công Nghệ Thiên Ân	2.520.570.858	-
Các nhà cung cấp khác	2.916.334.915	2.136.146.416
Cộng	21.369.755.681	173.482.957.662

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	476.098.580	463.309.341.171
Các khách hàng khác	1.399.334.778	1.399.334.778
Cộng	1.875.433.358	464.708.675.949

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh	489.865.770	-	-	489.865.770
Cộng	1.667.297.325	-	-	1.667.297.325
b. Phải nộp				
Thuế đất	-	2.549.335.297	2.549.335.297	-
Thuế thu nhập cá nhân	239.288.274	1.613.404.099	1.607.081.552	245.610.821
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	239.288.274	4.166.739.396	4.160.416.849	245.610.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14. Phải trả khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Nhận hoàn vốn đầu tư (i)	219.980.000.000	219.980.000.000
Khoản nhận trước lợi nhuận (ii)	110.059.509.355	109.549.509.355
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	50.394.639.319	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn	12.948.701.521	348.991.439
Thù lao Hội đồng Quản trị	2.157.621.128	2.565.620.605
Cổ tức phải trả	4.470.000	385.709.530.000
Các khoản phải trả khác	5.666.000	6.647.000
	395.550.607.323	718.160.298.399
b. Dài hạn		
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	3.486.854.873.296	2.264.683.658.739
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
	3.494.154.873.296	2.271.983.658.739
Cộng	3.889.705.480.619	2.990.143.957.138

(i) Đây là khoản nhận trước tiền hoàn vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận, công ty con thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Khoản này sẽ được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào công ty con khi dự án hoàn tất việc quyết toán giá trị thu phí và hoàn thành các thủ tục giảm vốn điều lệ.

(ii) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của các công ty con bao gồm Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu và Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên với giá trị lần lượt là 109.549.509.355 đồng và 510.000.000 đồng. Số tiền này sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(iii) Số dư cuối năm thể hiện các khoản tiền nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và lãi phát sinh, bao gồm:

- Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 965.000.000.000 đồng;
- Khoản phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 902.980.382.919 đồng;
- Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 878.652.639.319 đồng;
- Khoản vốn nhận hợp tác để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích 40% với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (trước đây là hợp tác với Công ty CII) có giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 790.616.490.377 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuế tài chính**

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Vay ngắn hạn						
Công ty CII – Công ty mẹ	34.132.281.037	34.132.281.037	70.624.959.505	54.615.784.614	18.123.106.146	18.123.106.146
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b</i>)	-	-	-	-	323.682.300.319	323.682.300.319
Cộng	34.132.281.037	34.132.281.037	70.624.959.505	54.615.784.614	341.805.406.465	341.805.406.465
b. Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	-	-	323.682.300.319	323.682.300.319	323.682.300.319
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	-	-	-	(323.682.300.319)	(323.682.300.319)
Cộng	-	-	-	323.682.300.319	-	-
Tổng cộng các khoản vay	34.132.281.037	34.132.281.037	70.624.959.505	378.298.084.933	341.805.406.465	341.805.406.465

Chi tiết các khoản hỗ trợ vốn từ Công ty mẹ cuối kỳ bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 23/2020/HĐHT-CII ngày 21 tháng 7 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích hợp tác kinh doanh, lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2025 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 17.029.724.582 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 27/2015/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2015 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc, lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2025, tài sản đảm bảo là cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.302.556.455 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 15/2020/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận, lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2025 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.800.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	990.395.402.824	3.013.813.751.405
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	279.089.304.761	279.089.304.761
Chia cổ tức	-	-	-	(694.277.154.000)	(694.277.154.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.674.999.368)	(2.674.999.368)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.337.499.684)	(1.337.499.684)
Tại ngày 01/01/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	571.195.054.533	2.594.613.403.114
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	305.209.715.175	305.209.715.175
Chia cổ tức	-	-	-	(96.427.382.500)	(96.427.382.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.581.786.095)	(5.581.786.095)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.395.446.523)	(1.395.446.523)
Tại ngày 31/12/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	773.000.154.590	2.796.418.503.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 11% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến là 12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và 20% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước.

Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 6% trong năm 2023. Phần cổ tức còn lại tương ứng với tỷ lệ 5% đã được thanh toán cho cổ đông bằng tiền trong năm 2024.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2024	2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.108.686.859	7.901.506.443
Doanh thu hoạt động thi công, lắp đặt	3.110.500.430	(43.705.459)
Cộng	10.219.187.289	7.857.800.984
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.1</i>)	10.219.187.289	7.345.352.227

2. Giá vốn hàng bán

	2024	2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.256.049.475	5.177.093.950
Giá vốn hoạt động thi công, lắp đặt	3.110.500.430	-
Cộng	9.366.549.905	5.177.093.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	702.534.291.371	349.342.453.247
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	91.710.832.966	80.831.225.596
Cộng	794.245.124.337	430.173.678.843
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	793.393.536.119	408.312.772.015

4. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay, lãi hợp tác đầu tư (i)	472.118.161.089	139.267.674.707
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	471.836.158.427	78.773.395.893

(i) Trong năm, Công ty ghi nhận khoản chi phí lãi phải trả cho Công ty CII và Công ty CII Invest phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích 40% (xem Thuyết minh VI.14).

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.453.618.439	3.963.652.545
Chi phí đồ dùng văn phòng	514.805.098	555.410.523
Chi phí khấu hao	442.841.157	159.495.872
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	1.693.348.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.368.263.277	2.566.793.523
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.945.764.581	5.649.615.034
Cộng	17.725.292.552	14.588.315.500
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	619.656.000	-

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	305.209.715.175	279.089.304.761
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	174.632.599.797	63.904.967
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(702.534.291.371)	(349.342.453.247)
Lỗ tính thuế	(222.691.976.399)	(70.189.243.519)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty con
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII (trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư CII (trước đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Trung Bộ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết của tập đoàn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	4.757.626.975	1.398.286.511
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.842.282.694	1.724.726.521
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	363.816.890	304.027.840
Cộng	8.614.010.632	5.077.324.945
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	540.430.980	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính** (tiếp theo)

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	497.150.167.627	499.242.995.632
Công ty CII	497.150.167.627	499.242.995.632
Phải thu về cho vay dài hạn	403.480.000.000	385.680.000.000
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	403.480.000.000	378.980.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	-	6.700.000.000
Cộng	900.630.167.627	884.922.995.632
Phải thu ngắn hạn khác		
Cổ tức và lợi nhuận phải thu	1.370.239.808.603	788.195.192.955
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	486.437.241.778	401.303.533.507
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	397.115.611.714	255.727.035.906
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	267.479.924.642	-
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	209.268.241.076	131.164.623.542
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	9.938.789.393	-
Lãi phải thu	2.969.346.564	9.426.610.833
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	2.969.346.564	9.426.610.833
Phải thu khác	47.275.800.000	154.753.800.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	47.275.800.000	154.753.800.000
Tổng cộng phải thu ngắn hạn	1.420.484.955.167	952.375.603.788
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	850.000.000	850.000.000
Công ty CII	-	158.773.301.802
Cộng	850.000.000	159.623.301.802
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	476.098.580	458.961.171
Công ty CII	-	462.850.380.000
Cộng	476.098.580	463.309.341.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính** (tiếp theo)

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả khác		
Các khoản hợp tác đầu tư	3.537.249.512.615	2.264.683.658.739
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	965.000.000.000	615.000.547.946
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	902.980.382.919	756.878.767.123
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	878.652.639.319	892.804.343.670
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	790.616.490.377	-
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư	219.980.000.000	219.980.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	219.980.000.000	219.980.000.000
Lợi nhuận nhận trước	110.059.509.355	109.549.509.355
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	109.549.509.355	109.549.509.355
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	510.000.000	-
Cổ tức phải trả	-	211.511.684.000
Công ty CII	-	211.511.684.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	12.948.701.521	348.991.439
Công ty CII	12.948.701.521	348.991.439
Cộng	<u>3.880.237.723.491</u>	<u>2.806.073.843.533</u>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	2024 VND	2023 VND
Công ty CII		
Chi trả cổ tức trong năm	264.389.605.000	169.146.947.200
Cổ tức đã chia	52.877.921.000	379.371.135.200
Nhận tiền hỗ trợ vốn	32.156.164.384	106.000.000.000
Thanh toán nợ gốc hỗ trợ vốn	40.968.381.564	1.058.879.141.378
Chi phí hợp tác đầu tư	187.288.864.241	30.914.019.455
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	200.132.888.201	416.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	155.683.129.554	56.757.382.408
Lãi cho vay	50.632.167.774	23.636.802.475
Thu hồi tiền chuyển nhượng vốn trong công ty Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Lợi nhuận được chia	170.388.575.808	102.308.465.889
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	56.500.000.000	122.100.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	32.000.000.000	-
Lãi phát sinh trong kỳ	38.749.719.166	34.275.469.720
Nhận tiền lãi hỗ trợ vốn	45.206.983.435	37.466.007.500
Cung cấp dịch vụ	2.541.064.125	897.021.047
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Cổ tức được chia	154.307.085.611	160.851.915.670
Cung cấp dịch vụ	4.310.500.430	1.179.679.656
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Lợi nhuận được chia	576.759.708	-
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	-	24.835.000.000
Thu tiền phụ cấp hội đồng thành viên	-	600.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	136.363.636
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		
Cung cấp dịch vụ	763.636.366	709.090.911
Thu tiền phụ cấp thành viên góp vốn	-	1.530.000.000
Hoàn trả tiền phụ cấp thành viên góp vốn	-	1.530.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Nhận trước tiền hoàn vốn góp	-	97.565.688.072
Cung cấp dịch vụ	-	2.065.826.437
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Cổ tức được chia	100.478.617.534	86.182.071.688
Nhận tiền cổ tức	22.375.000.000	63.441.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	25.000.000.000	4.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	31.700.000.000	2.000.000.000
Lãi phát sinh trong kỳ	1.430.508.493	223.808.217
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	1.430.508.493	223.808.217
Cung cấp dịch vụ	2.513.986.368	2.357.370.540
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII		
Cổ tức được chia	14.938.814.393	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	-
Lãi phát sinh trong kỳ	46.849.315	-
Mua dịch vụ	548.340.000	-
Chuyển tiền góp vốn	-	20.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	892.510.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	4.107.206.620	-
Chi phí hợp tác đầu tư	88.152.188.937	39.980.061.369
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	207.500.000.000	750.000.000.000
Chi phí hợp tác đầu tư	80.191.546.516	6.878.767.123
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	43.644.617.081	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	386.000.000.000	614.000.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	28.000.000.000	-
Chi phí hợp tác đầu tư	104.008.748.628	1.000.547.946
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII		
Mua dịch vụ	-	780.217.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Cung cấp dịch vụ	90.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	27.500.000.000	-
Chi phí hợp tác đầu tư	12.194.810.105	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Cổ tức được chia	343.045.333.906	-
Nhận tiền cổ tức	75.565.409.264	-
Thu hồi tiền đặt cọc mua cổ phần	1.194.200.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm**

Họ và tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	200.745.000	-
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	69.772.000	200.625.000
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	216.414.000	160.500.000
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	134.128.333	-
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	46.216.667	133.750.000
Ông Đặng Quang Phục	Thư ký	54.100.000	40.125.000
Cộng		1.442.756.000	1.070.000.000
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	106.765.667	-
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	37.510.333	107.000.000
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Cộng		360.690.000	267.500.000
Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm			
Họ và tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	2.078.201.048	1.708.279.175
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	1.166.524.995	926.695.057
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2023)	-	203.153.187
Bà Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	765.684.192	631.610.118
Cộng		4.010.410.235	3.469.737.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**

	2024 VND	2023 VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	28.920.487.785	770.206.104.692
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	664.124.959.505	3.006.432.304.692
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	323.682.300.319	69.105.000.000
Tiền trả nợ vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	157.992.762.376	1.058.879.141.378
Các giao dịch không ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Khoản đã chi đầu tư góp vốn vào công ty con trong các kỳ trước (i)	106.283.800.000	-

(i) Tiền chi đầu tư vào công ty con trong năm không bao gồm số tiền 106 tỷ dùng để chi đầu tư vào công ty con nhưng đã được thanh toán trong kỳ trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh vào khoản mục tăng, giảm các khoản phải thu (mã số 09) thay vì được trình bày vào dòng tiền Chi góp vốn vào đơn vị khác (mã số 25) trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính riêng.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025